

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA



(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200636590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 02/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 06/05/2010)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định niêm yết số/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày ... tháng ... năm 2010)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Trụ sở: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Trụ sở: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP. HCM

Phụ trách công bố thông tin:

Ông: **Trần Thanh Thịnh** Chức vụ: Thư ký HĐQT Công ty

Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 3620 040



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200636590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 02/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 06/05/2010)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết	: 8.100.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết	: 81.000.000.000 (Tám mươi một tỷ) đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC

Đại diện pháp luật	: Ông Phan Xuân Vạn (Chức vụ: Tổng Giám đốc)
Địa chỉ	: 217 Nguyễn Văn Linh, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại	: (84-5113) 655 886
Fax	: (84-5113) 655 887

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

Đại diện pháp luật	: Ông Nguyễn Thanh Hùng (Chức vụ: Tổng Giám đốc)
Địa chỉ	: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (84-8) 6268 6868
Fax	: (84-8) 6255 5957



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về luật pháp	6
3. Rủi ro về đặc thù	6
4. Rủi ro khác	6
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	7
1. Tổ chức niên yết	7
2. Tổ chức tư vấn	7
III. CÁC KHÁI NIỆM	8
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	9
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	9
1.1 Lịch sử hình thành và phát triển	9
1.2 Giới thiệu về Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	10
1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ	11
2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	11
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông	14
3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của Công ty (tính đến ngày 31/05/2010)	14
3.2 Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty	14
3.3 Cơ cấu cổ đông	14
4. Danh sách những công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết của Công ty	15
4.1 Danh sách công ty mẹ	15
4.2 Danh sách công ty con	15
4.3 Danh sách công ty liên kết	15
5. Hoạt động kinh doanh	15
5.1 Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty:	15
5.2 Doanh thu và lợi nhuận của Công ty qua các năm	17
5.3 Doanh thu, lợi nhuận từng nhóm sản phẩm	18
5.4 Nguyên vật liệu	19
5.5 Chi phí sản xuất	21
5.6 Trình độ công nghệ	21
5.7 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	21
5.8 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm	22
5.9 Hoạt động Marketing	23
5.10 Nhãn hiệu thương mại	24
5.11 Danh sách các hợp đồng đã và đang thực hiện	24
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất	25
6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	25



6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008-2009	25
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	27
7.1 Triển vọng phát triển của ngành	27
7.2 Vị thế Công ty trong ngành	31
7.3 Định hướng phát triển của Công ty	31
8. Chính sách đối với người lao động	32
8.1 Tình hình lao động	32
8.2 Chính sách đối với người lao động	32
9. Chính sách cổ tức	32
10. Tình hình hoạt động tài chính	34
10.1 Các chỉ tiêu cơ bản	34
10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	36
11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	38
11.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	38
11.2 Danh sách thành viên Ban Giám đốc	43
11.3 Danh sách thành viên Ban Kiểm soát	45
11.4 Kế toán trưởng	48
12. Tài sản	48
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức những năm tiếp theo	49
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	50
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	50
16. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu	50
V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	51
1. Loại chứng khoán	51
2. Mệnh giá	51
3. Tổng số chứng khoán niêm yết	51
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	51
5. Giá niêm yết	51
6. Phương thức tính giá	51
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	53
8. Các loại thuế có liên quan	53
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT	54
1. Tổ chức niêm yết	54
2. Tổ chức kiểm toán	54
3. Tổ chức tư vấn	54
VII. PHỤ LỤC	54



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Việt Nam là một trong những nước có nền kinh tế phát triển sôi động nhất Châu Á. Tăng trưởng GDP của Việt Nam trung bình trong giai đoạn 2003-2007 ở mức khá cao là 8,04% trong đó năm 2007 đạt mức tăng trưởng kỷ lục là 8,44% đứng thứ 3 Châu Á, sau Trung Quốc là 11,3% và Ấn Độ là 9% (theo Tổng cục Thống kê).

Từ cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008 đến nay, nền kinh tế toàn cầu đã trải qua một giai đoạn cực kỳ khó khăn và Việt Nam cũng không nằm ngoài tầm ảnh hưởng của đà suy giảm kinh tế. Tuy nhiên Việt Nam là một trong số ít các nước vẫn giữ được tăng trưởng dương, mặc dù có phần chậm lại so với những năm trước đó. Năm 2009 tốc độ tăng trưởng Tổng thu nhập quốc dân (GDP) đạt 5,32% giảm nhiều so với mức 6,23% của năm 2008 nhưng vẫn cao hơn mức 5,2% kế hoạch do Quốc Hội đưa ra. Việc tốc độ tăng trưởng quý 3 và quý 4 năm 2009 (đạt 6,04% và 6,9%) tăng cao hơn so với cùng kỳ năm 2008 (lần lượt là 5,98% và 5,89%) cho thấy nền kinh tế đã qua khỏi giai đoạn suy giảm, thể hiện những thành quả ban đầu của nỗ lực kích cầu, phục hồi nền kinh tế. Tăng trưởng GDP quý 1/2010 ước tính tăng 5,83% so với cùng kỳ năm 2009 (theo Tổng cục Thống kê) và mục tiêu Chính phủ đề ra cho cả năm 2010 là 6,5%.

Về tình hình xuất nhập khẩu, năm 2009 kim ngạch xuất khẩu ước tính đạt 56,6 tỷ USD giảm 10% so với năm 2008 và kim ngạch nhập khẩu ước đạt 68,8 tỷ USD giảm 14,4% so với năm 2008. Năm 2010 để phục hồi nền kinh tế thì nhu cầu nhập khẩu hàng hóa đặc biệt là máy móc thiết bị sẽ tăng, bên cạnh đó việc giá cả các mặt hàng đều tăng sẽ làm cho nhập siêu càng lớn hơn, ảnh hưởng đến cán cân thanh toán của Việt Nam. Với nỗ lực làm giảm thâm hụt thương mại, kích thích xuất khẩu, Ngân hàng Nhà nước đã có những tác động để tăng tỷ giá USD/VND. Trong năm 2009, Ngân hàng Nhà nước đã 2 lần điều chỉnh biên độ tỷ giá từ 3% lên 5% vào tháng 03 và cuối năm điều chỉnh lại xuống còn 3% đồng thời tăng tỷ giá bình quân liên ngân hàng từ 17.031 lên 17.961 đồng/USD.

Trong năm 2009, tốc độ tăng của chỉ số CPI tương đối ổn định, ngoại trừ tháng 2 và tháng 12 thì các tháng còn lại đều tăng dưới 1%. CPI cuối năm 2009 tăng 6,5% so với năm 2008, đây là một thành công trong nỗ lực kiềm chế lạm phát ở mức một con số của Chính phủ. Lãi suất trong năm 2009 không biến động nhiều như năm 2008. Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước vẫn cho thấy những động thái giữ nguyên lãi suất cơ bản 8% trong ngắn hạn.

Về đầu tư trực tiếp nước ngoài, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, FDI đăng ký mới và tăng thêm năm 2009 đạt 21,5 tỷ USD, giảm 70% so với năm 2008 và chỉ giải ngân 10 tỷ USD, trong đó 45% số vốn đăng ký mới đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, cơ sở hạ tầng là tiền đề cho công cuộc tái thiết nền kinh tế.

Nhìn vào bức tranh toàn cảnh nền kinh tế Việt Nam cho thấy nước ta đang trong giai đoạn phục hồi, khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng và tiến tới một giai đoạn tăng trưởng mới. Như vậy, sự phục hồi của nền kinh tế sẽ giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa nói riêng.

2. Rủi ro về luật pháp

Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, chịu sự điều tiết của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán... Hệ thống pháp luật của Việt nam hiện nay thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi không cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn.

3. Rủi ro về đặc thù

Rủi ro về nguyên vật liệu: Hiện nay, chi phí trồng và thu hoạch mía của Việt Nam cũng khá cao do biến động của thời tiết, giá phân bón, thuốc trừ sâu, nhân công lao động và chi phí vận chuyển. Năng suất trồng mía của Việt Nam chỉ đạt 50-55 tấn/ha (trong điều kiện thời tiết thuận lợi, dự kiến năm 2010 chỉ đạt khoảng 43-45 tấn/ha) thấp hơn nhiều so với mức trung bình của thế giới là 70 tấn/ha cũng làm cho chi phí trồng mía tăng lên. Giá mía trên thị trường lại biến động thất thường tạo tâm lý không ổn định cho người trồng mía, cộng với việc hiệu quả kinh tế không cao dễ dẫn đến việc nông dân chuyển sang trồng những loại cây trồng khác. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, diện tích trồng mía cả nước niên vụ 2008/2009 là 260,1 nghìn ha, giảm 4,1% so với niên vụ năm 2007/2008. Nguyên liệu của Công ty chủ yếu là cây mía đường được thu mua từ diện tích mía của người dân. Do vậy biến động giá cả nguyên vật liệu và sự ổn định của nguồn nguyên liệu theo từng vụ mùa ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về thị trường: Theo cam kết WTO, tại thời điểm gia nhập WTO (2007), hạn ngạch nhập khẩu đường thô và đường tinh luyện là 55.000 tấn, con số này sẽ tăng 5% mỗi năm với thuế suất nhập khẩu trong hạn ngạch là 25% với đường thô và 60% đối với đường tinh luyện từ mía; đối với đường tinh luyện từ củ cải thì thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 50%. Nhập khẩu ngoài hạn ngạch không bị hạn chế nhưng phải chịu thuế suất nhập khẩu là 80-100%. Theo cam kết CEPT/AFTA, thuế nhập khẩu đường thô sản xuất từ mía của các nước ASEAN trong năm 2009 là 10% và đường củ cải là 5%. Từ năm 2010 trở đi, thuế nhập khẩu tất cả các loại đường chỉ còn 5% và hạn ngạch nhập khẩu cũng dần được xóa bỏ theo cam kết WTO sẽ gây khó khăn lớn cho ngành mía đường của Việt Nam. Trong điều kiện hiện nay tại Việt Nam, mặc dù có nhiều thuận lợi về tự nhiên, nguồn nhân lực rẻ nhưng quy mô các nhà máy đường còn nhỏ, nguồn nguyên liệu chưa được quy hoạch khoa học nên còn thiếu ổn định và năng suất chưa cao khiến cho nhiều nhà máy đường chưa khai thác hết công suất, giá thành sản phẩm cao và giảm sức cạnh tranh về giá khi hội nhập. Bên cạnh đó vấn đề nhập lậu đường cũng ảnh hưởng khá lớn đến thị trường của các doanh nghiệp sản xuất đường trong nước.

4. Rủi ro khác

Ngoài ra, còn có các rủi ro như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, hỏa hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Ông: Phạm Đình Mạnh Thu	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Bà: Nguyễn Thị Hoa	Chức vụ: Giám đốc
Ông: Phạm Cao Sơn	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: Lê Văn Hòa	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thanh Hùng** Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty, NHS	Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
Sacombank-SBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
CBCNV	Cán bộ nhân viên.
UBCKNN	Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước.
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán.
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh.
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	Hội đồng Quản trị
BCTC	Báo cáo tài chính
GDP	Tổng thu nhập quốc dân
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
CTCP	Công ty cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Đường Ninh Hòa tiền thân là Nhà máy Đường Ninh Hòa, đơn vị trực thuộc Công ty Đường Khánh Hòa. Tháng 4/1994, nhà máy đường đã được khởi công xây dựng tại xã Ninh Xuân, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Ngày 06/01/1996, theo quyết định số 27/QĐ-KSC của Giám Đốc Công ty Đường Khánh Hòa, nhà máy Đường Ninh Hòa được thành lập với nhiệm vụ chính là sản xuất đường từ mía. Đến tháng 4/1996, nhà máy chính thức đi vào sản xuất với hệ thống thiết bị có công suất thiết kế 1.250 tấn mía/ngày.

Ngày 10/11/2005, UBND tỉnh Khánh Hòa đã ra quyết định số 2267/QĐ-UB về việc chuyển Nhà máy đường Ninh Hòa thuộc Công ty Đường Khánh Hòa thành Công ty cổ phần. Đến 23/08/2006, UBND tỉnh Khánh Hòa đã ra công văn số 4884/UBND phê duyệt giá trị doanh nghiệp bàn giao sang Công ty cổ phần Đường Ninh Hòa, tỷ lệ sở hữu vốn nhà nước tại thời điểm này là 20%.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa chính thức đi vào hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200636590 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 03 năm 2006. Với tinh thần không ngừng nỗ lực phấn đấu, dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị, Ban Giám Đốc, sự hỗ trợ của các ban, ngành, địa phương và các doanh nghiệp bạn trong ngành, Công ty cổ phần Đường Ninh Hòa luôn duy trì được sản xuất ổn định, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu.

Ngày 15/9/2009, Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước đã ra công văn số 2026/DTKDV-DT3 về việc chuyển nhượng toàn bộ vốn cổ phần đang nắm giữ cho cán bộ công nhân viên và các nhà đầu tư đã tham gia đấu giá thành công.

Đến nay đã hơn 04 năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa đã tăng vốn điều lệ lên 81 tỷ đồng và chuẩn bị niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) để quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Công ty đồng thời tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa.



Hình 1: Trụ sở chính của Công ty



Những thành tích đạt được :

Trải qua một quá trình phấn đấu đầy gian khổ và thử thách, Công ty đã tự khẳng định, đứng vững và phát triển. Ý chí quyết tâm cao của toàn thể Cán bộ CNV và Ban lãnh đạo Công ty đã được đáp lại bằng những thành quả sau:

- Công ty được tổ chức GlobalGROUP cấp giấy chứng nhận đạt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 vào ngày 23/09/2008 và tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào ngày 31/08/2009.
- Công ty được Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và PT Nông thôn tặng Bằng khen có Thành tích xuất sắc trong vụ SX Kinh doanh mía đường niên vụ 2006-2007 vào ngày 31/12/2007; Bộ Trưởng Bộ Công Thương tặng Bằng khen Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2008 vào ngày 2/02/2009; Bộ Trưởng Bộ Tài chính tặng Bằng khen có Thành tích thực hiện tốt chính sách thuế năm 2008 vào ngày 27/07/2009.
- Công ty được ban TC chương trình Vinh Danh Doanh nghiệp hội nhập WTO cấp giấy chứng nhận Đạt giải thưởng Quả cầu Vàng năm 2008 vào ngày 16/01/2009
- Năm 2009, Công ty được người tiêu dùng bình chọn qua cuộc điều tra do Báo Sài Gòn Tiếp Thị Tổ chức đạt danh hiệu hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 2009
- Công ty được UB tiêu chuẩn TPVN, Hội KH&CN LTTPVN, Công ty Cổ phần Hội chợ và Thương mại Quốc Tế - INEACO, Công ty Hội chợ triển lãm Bắc Hà , Trung Tâm xúc tiến Thương mại và đầu tư công nghệ INVESCEN tặng Huy chương vàng và Danh hiệu Thực Phẩm chất lượng vì An toàn sức khỏe cộng đồng và Cúp vàng Thương hiệu An toàn vì sức khỏe cộng đồng vào ngày 06/05/2008.
- Công ty đã được Bộ KH và Công nghệ - Cục Sở Hựu Trí Tuệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 99609, theo Quyết định số 6959/QĐ-SHTT ngày 16/4/2008.

1.2 Giới thiệu về Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
- Tên tiếng Anh: Ninh Hoa Sugar Joint Stock Company
- Tên viết tắt: NSC



- Biểu tượng (logo) của Công ty:
- Trụ sở chính: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
- Vốn điều lệ: 81.000.000.000 VNĐ (*Tám mươi một tỷ đồng*)
- Điện thoại: (058) 2245 790
- Fax: (058) 3620 143
- Website: www.ninhhoasugar.com – Email: nscjointstock@vnn.vn
- Giấy CNĐKKD số 4200636590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 02/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 06/05/2010.
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:



- Sản xuất đường từ mía và các sản phẩm phụ; tổ chức thu mua mía cây, đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu;
- Thi công xây dựng các công trình công nghiệp dân dụng;
- Gia công chế tạo cơ khí;
- Mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán phân bón;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất phân bón;
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi;
- Sản xuất và kinh doanh mua bán điện;

1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ

Đvt: triệu đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ tăng thêm	Nguồn tăng	Vốn điều lệ
Khi thành lập ngày 02/03/2006			67.784
Lần 1: 27/04/2010	13.216	Phát hành cho cổ đông hiện hữu, Cán bộ chủ chốt, Cán bộ công nhân viên	81.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình sau:

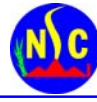
Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, sẽ bầu hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện tại, Hội đồng quản



trị Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa có năm (05) thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ tối đa là năm (05) năm và có thể được bầu lại tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Ban kiểm soát

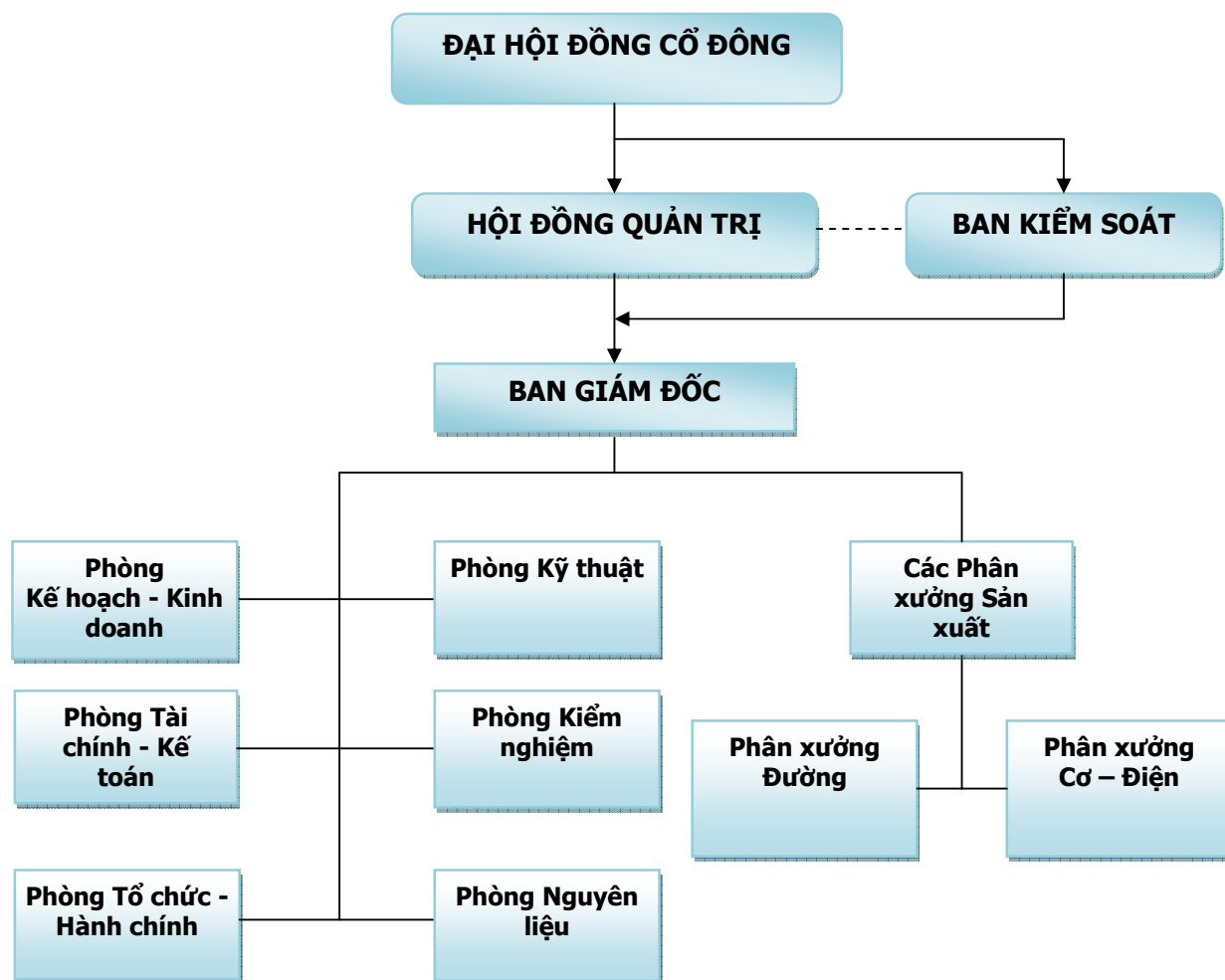
Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm ba (03) thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ năm (05) năm. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ban Giám đốc

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Các phòng ban: là những phòng ban trực tiếp điều hành công việc của Công ty theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Giám đốc. Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa có các phòng ban được thiết lập gồm: Phòng Kế hoạch – Kinh doanh, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Kỹ thuật, Phòng Kiểm nghiệm, Phòng Nguyên liệu, Phân Xưởng Đường, Phân Xưởng Cơ Điện. Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban được quy định như sau:

- **Phòng Kế hoạch – Kinh doanh:** có chức năng trong việc xác định mục tiêu, chiến lược, phương hướng hoạt động tiếp thị và kinh doanh sản phẩm. Thực hiện nhiệm vụ mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác.
- **Phòng Tài chính - Kế toán:** có chức năng quản lý tài chính của Công ty. Thực hiện nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, thống kê, nghiệp vụ Ngân hàng, lập các báo cáo quyết toán quý, năm và quyết toán đầu tư.
- **Phòng Tổ chức - Hành chính:** có chức năng quản lý tổng vụ và quản lý nhân sự, tiền lương, BHXH, các chính sách cho người lao động về an toàn lao động, bảo hiểm lao động, các chính sách đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng kỷ luật. Thực hiện công tác tổ chức hành chính, văn phòng.
- **Phòng Kỹ thuật:** có chức năng chỉ đạo các thông số kỹ thuật của dây chuyền sản xuất đường; xây dựng chương trình nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ của Công ty trong lĩnh vực sản xuất
- **Phòng Kiểm nghiệm:** có chức năng kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm; bảo đảm quy trình chế biến sản phẩm vận hành theo đúng các thông số kỹ thuật
- **Phòng Nguyên liệu:** có chức năng bảo đảm nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty. Thực hiện tổ chức đầu tư trồng mía và thu mua nguyên liệu.
- **Phân Xưởng Đường:** có chức năng trực tiếp quản lý điều hành quá trình sản xuất, đảm bảo năng suất lao động cao, chất lượng sản phẩm tốt với chi phí tiết kiệm; sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả máy móc, thiết bị trong Phân xưởng Đường.
- **Phân Xưởng Cơ Điện:** có chức năng sản xuất, gia công, sửa chữa các thiết bị, dụng cụ cơ điện phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.



Hình 2: Sơ đồ bộ máy quản lý Công ty



3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông

3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của Công ty (tính đến ngày 31/05/2010)

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị (ngàn đồng)	Tỷ lệ (%)	CMND/GCNĐKKD
1	Công ty Cổ phần SX-TM Thành Thành Công	32/120 – Khuông Việt, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TPHCM	1.882.215	18.822.150	23,24	4103007396
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	278 Nam kỳ Khởi nghĩa, P.8, Q.3 TP HCM	469.200	4.692.000	5,79	109/UBCK-GPHĐKD
3	Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Trung Vương	63 B Calmette, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TPHCM	648.000	6.480.000	8,00	4102072922
	Tổng cộng		2.999.415	29.994.150	37,03	

Nguồn: Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

3.2 Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa được thành lập ngày 02/03/2006, đến nay đã được hơn 03 năm nên cổ đông sáng lập của Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu.

3.3 Cơ cấu cổ đông

Bảng 3: Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/05/2010

Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
Trong nước:	8.100.000	100,00%	302
- Cá nhân	4.351.050	53,72%	296
- Tổ chức	3.748.950	46,28%	6
Ngoài nước:	0	0	0
- Cá nhân	-	-	-
- Tổ chức	-	-	-
Tổng cộng vốn cổ phần	8.100.000	100,00%	302

Nguồn: Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

4. Danh sách những công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết của Công ty

4.1 Danh sách công ty mẹ

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa không có công ty mẹ.

4.2 Danh sách công ty con

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa không có công ty con.

4.3 Danh sách công ty liên kết

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa không có công ty liên kết.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1 Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung vào 03 mảng chính:

- Sản xuất đường RS để bán sỉ và lẻ
- Sản xuất và kinh doanh phân bón NPK
- Sản xuất điện thương phẩm

5.1.1 Đường kính trắng thượng hạng (RS)

Sản phẩm được sử dụng trực tiếp làm thực phẩm hoặc sử dụng làm nguyên liệu cho một số ngành chế biến công nghiệp (bánh, kẹo, nước giải khát,)

Sản phẩm đường kính trắng của Công ty được sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng cơ sở đã đăng ký tại Sở Y Tế Khánh Hòa, các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm đăng ký đều đạt và tối ưu hơn các chỉ tiêu chất lượng theo TCVN 6959:2001 đối với sản phẩm đường kính trắng .

Sản lượng đường RS của Công ty trong các năm qua:

Năm 2007	22.000 tấn
Năm 2008	28.000 tấn
Năm 2009	27.500 tấn

Đường trắng bao 50kg



Đường trắng bao 1kg



- Nhóm sản phẩm :Đường bao: bao 50 kg; Đường túi: túi 1 kg
- Ngoại hình : tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, tươi, khô không vón cục.



- Mùi vị : tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi lạ
- Màu sắc : Tinh thể màu trắng, khi pha vào nước cất cho dung dịch trong
- Chỉ tiêu :
 - Độ Pol ($^{\circ}Z$): không nhỏ hơn 99,70%
 - Hàm lượng đường khử, % khối lượng (m/m), không lớn hơn 0,07%
 - Độ màu (ICUMSA): không lớn hơn 120

Ưu thế cạnh tranh :

- Tỷ lệ thu hồi sản phẩm đường từ nguyên liệu mía cây của công ty luôn đạt ở mức tối ưu .
- Là một trong những sản phẩm dẫn đầu về chất lượng đối với dòng sản phẩm đường kính trắng (Rs) sản xuất tại Việt nam, đã được thị trường ưa chuộng và có thương hiệu từ hơn 10 năm qua.

Thị trường tiêu thụ chính : thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Tây

5.1.2 Mật rỉ

Mật rỉ là sản phẩm thu hồi sau đường, được sử dụng làm nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất cồn, bột ngọt, thức ăn gia súc, ...

Chất lượng sản phẩm mật rỉ được các đơn vị chế biến cồn, , sản xuất bột ngọt, sản xuất thức ăn gia súc trong nước ưa chuộng .

Tỷ lệ thu hồi mật rỉ là 3,8-4,0kg/100kg mía.

5.1.3 Phân bón NPK

- Công suất của Nhà máy Phân bón NPK là 50.000 tấn sản phẩm/năm, được chia làm 2 giai đoạn:
 - Giai đoạn 1: Xây dựng nhà máy phân bón NPK với công suất 25.000 tấn/năm trên diện tích 30.000m² và bãi chứa nguyên vật liệu, xưởng nghiền cao lanh trên diện tích 15.000m².
 - Giai đoạn 2: mở rộng nhà máy phân bón NPK nâng công suất nhà máy lên 50.000 tấn sản phẩm/năm.
- Sản phẩm: Giai đoạn 1 triển khai với 2 loại sản phẩm chính là sản phẩm NPK dạng 1 hạt và sản phẩm NPK dạng trộn:
 - Phân NPK dạng 1 hạt: 10.000 Tấn sản phẩm/năm.
 - Phân NPK dạng trộn: 15.000 Tấn sản phẩm/năm.
- Khách hàng :
 - Cung ứng phân bón cho vùng nguyên liệu mía của các nhà máy đường khác trong khu vực .
 - Cung cấp phân bón cho các loại cây trồng khác trong khu vực Miền Trung và Tây Nguyên
 - Nội bộ Công ty: đầu tư cho vùng nguyên liệu mía trên 5.000ha và dự kiến trong giai đoạn tiếp theo sẽ đầu tư đến 7.000ha vùng nguyên liệu mía. Trên cơ sở đó, hàng năm lượng phân bón tiêu thụ nội bộ từ 5.000 đến 7.000 tấn sản phẩm phân NPK trên một năm .



- Công nghệ sản xuất phân hỗn hợp NPK dạng hạt: Sản xuất phân hỗn hợp NPK dạng hạt có 2 phương pháp:
 - Phương pháp sản xuất hàng một hạt, có nghĩa là mỗi hạt sản phẩm có chứa đầy đủ các chất dinh dưỡng theo tỷ lệ ấn định của sản phẩm.
 - Phương pháp trộn: Các hạt nguyên liệu có chứa các chất dinh dưỡng khác nhau được trộn theo tỷ lệ nhất định để có được sản phẩm mong muốn. Tùy theo thành phần chất dinh dưỡng trong mỗi hạt, có tỷ lệ các hạt để pha trộn vào nhau sao cho tạo được một sản phẩm có chứa tỷ lệ chất dinh dưỡng ấn định.

5.1.4 Điện thương phẩm

- Quy trình sản xuất: Tổ Turbin hơi máy phát điện có công suất 9MWH dùng hơi từ lò hơi đốt bằng bã mía trong quy trình sản xuất đường để phát điện lên lưới Quốc gia bán điện thương phẩm.
- Sản lượng điện thương phẩm hàng năm: 8 triệu KW
- Khách hàng tiêu thụ chín : Công ty CP Điện lực Khánh Hòa.

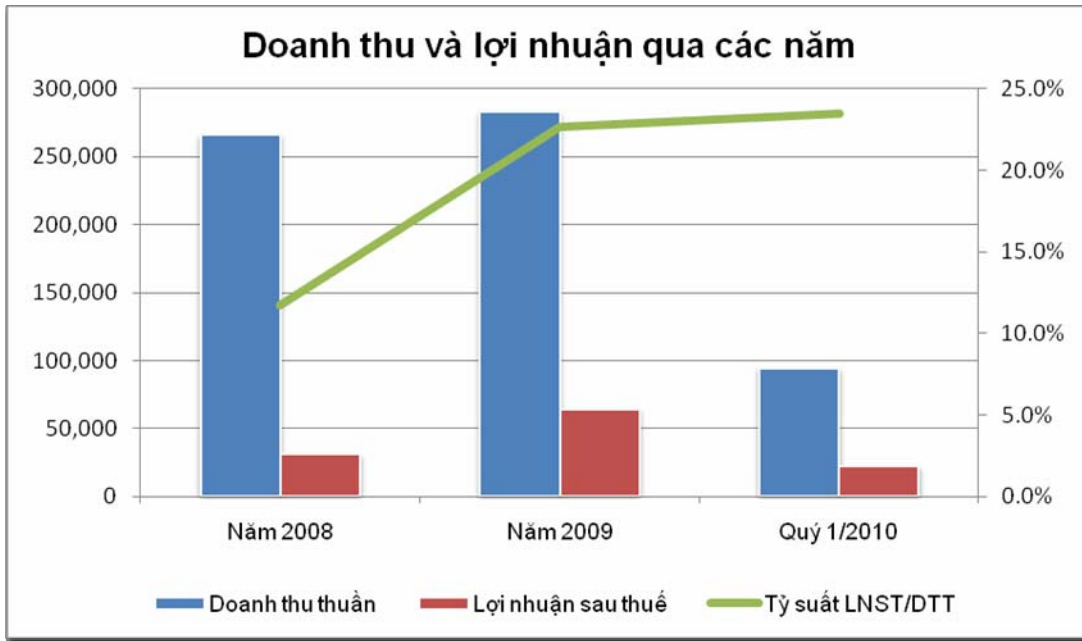
5.2 Doanh thu và lợi nhuận của Công ty qua các năm

Bảng 4: Tình hình hoạt động kinh doanh 2008-2009

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Tăng/giảm	Quý I/2010
Doanh thu thuần	266.517	282.978	6,18%	94.605
Lợi nhuận gộp	60.578	76.367	26,06%	30.571
Lợi nhuận trước thuế	36.451	71.303	95,61%	25.465
Lợi nhuận sau thuế	31.346	64.231	104,91%	22.227
Tỷ suất LNST/DT thuần	11,76%	22,70%	10,94%	23,49%
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	20%	20%	-	-

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2008, 2009, BCTC Quyết toán Quý 1/2010



Hình 3: Doanh thu và lợi nhuận của Công ty qua các năm

5.3 Doanh thu, lợi nhuận từng nhóm sản phẩm

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu theo từng loại sản phẩm

Đvt: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2008		Năm 2009		Quý 1/2010	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Đường kính trắng	220.602	82,77%	242.592	85,73%	84.774	89,61%
2	Mật	11.798	4,43%	11.884	4,20%	5.158	5,45%
3	Bùn, tro	894	0,34%	936	0,33%	530	0,56%
4	Mía giống	527	0,20%	1.488	0,53%	0	0
5	Phân, thuốc	32.283	12,11%	25.892	9,15%	4.142	4,38%
6	Hàng hóa và dịch vụ khác	413	0,15%	186	0,06%	0	0
TỔNG CỘNG		266.517	100%	282.978	100%	94.605	100%

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2008, 2009; BCTC Quyết toán Quý 1/2010

Sản phẩm chủ yếu của Công ty là đường kính trắng RS, chiếm tỷ trọng khoảng 85% tổng doanh thu của Công ty. Năm 2009, sản lượng đường của Công ty đạt 27.500 tấn, giảm nhẹ so với mức 28.000 tấn năm 2008 do nguồn cung nguyên liệu mía giảm. Bên cạnh đó, giá đường trong năm 2009 cũng tăng mạnh so với đầu năm làm tỷ suất lợi nhuận gộp của Công ty tăng đột biến.

Giá đường trên thị trường Thành phố Hồ Chí Minh từ mức 10.500 đồng/kg trong tháng 1/2009 tăng lên gần 18.000 đồng/kg vào cuối năm, trên thị trường Cần Thơ cũng tăng từ mức

9.300 đồng/kg vào tháng 1/2009 lên 16.000 đồng/kg cuối năm 2009. Thị trường chủ yếu của Công ty là thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Tây nên đây chính là nguyên nhân lợi nhuận gộp năm 2009 của Công ty tăng đến 26% trong khi doanh thu thuần chỉ tăng 6,2% so với năm 2008.

Sản phẩm đường kính trắng đóng góp lợi nhuận chủ yếu cho Công ty (95-98% lợi nhuận gộp). Các sản phẩm khác như mía giống, phân bón, thuốc trừ sâu... chủ yếu là hỗ trợ nông dân trồng mía nên tỷ lệ đóng góp vào lợi nhuận không cao, hầu như chỉ ở mức hòa vốn.

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng loại sản phẩm

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		Quý 1/2010	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Đường kính trắng	57.779	95,38%	74.849	98,01%	30.114	98,51%
2	Mật	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
3	Bùn, tro	373	0,62%	385	0,50%	243	0,79%
4	Mía giống	11	0,02%	1	0,00%	-	0,00%
5	Phân, thuốc	2.168	3,58%	1.087	1,42%	213	0,70%
6	Hàng hóa và dịch vụ khác	246	0,41%	45	0,06%	-	-
TỔNG CỘNG		60.578	100%	76.367	100%	30.571	100%

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2008, 2009; BCTC Quyết toán Quý 1/2010

5.4 Nguyên vật liệu

5.4.1 Các nguyên liệu chính

Đối với hoạt động sản xuất đường thì mía là nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng cao nhất trong chi phí sản xuất, chiếm từ 60-65% giá vốn hàng bán của Công ty. Vùng nguyên liệu mía của Công ty được trồng trong khu vực có cự ly bán kính cách nhà máy khoảng 30km. Đây là vùng đất cằn ở duyên hải miền Trung nên có chữ đường cao, hàm lượng đường trong mía (CCS) bình quân là 10,5 CCS. Sản lượng mía ở khu vực này tương đối thấp, khoảng 50-55 tấn mía/ha khi thời tiết thuận lợi, dự kiến năm 2010 năng suất trồng mía chỉ đạt 43-45 tấn/ha.

Trong sản xuất chế biến đường từ mía cây còn sử dụng một số hóa chất xử lý khác như:

- Các loại hóa chất dùng trong công nghệ xử lý : keo trợ lắng, chất chống tạo bọt, chất xử lý màu... được phép dùng trong công nghiệp chế biến thực phẩm được nhập khẩu từ Châu Âu, Mỹ...
- Các loại hóa chất khác : lưu huỳnh, axit Photphoric... được mua từ nguồn trong nước qua các công ty nhập khẩu và phân phối trong nước.
- Vôi : mua từ nguồn khai thác trong nước
- Bao bì đóng gói sản phẩm: mua từ các nhà máy sản xuất trong nước.

Ngoài ra, để sản xuất phân bón NPK cần có các nguyên liệu sau:

- Các dạng phân đơn: Ure, DAP, SA, KCL... được nhập khẩu hoặc mua từ các công ty

nhập khẩu và phân phối trong nước.

- Một số phụ gia: cao lanh... được khai thác từ nguồn nguyên liệu trong nước
- Vật tư khác: bao bì... mua từ các nguồn sản xuất trong nước.

5.4.2 Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Diện tích vùng nguyên liệu của Công ty được UBND Tỉnh Khánh Hòa phê duyệt quy hoạch trong phạm vi tỉnh Khánh Hòa hiện nay là 4.200 ha và đến năm 2020 là 5.500 ha. Bên cạnh đó, Công ty còn mở rộng diện tích vùng nguyên liệu trên địa bàn Huyện Ma' Drak từ 1.000 ha hiện nay lên 2.500 ha năm 2020.

Để tạo tính ổn định cho nguồn cung cấp nguyên liệu, Công ty mạnh dạn đầu tư vốn cho nông dân trồng mía bằng nhiều hình thức như đầu tư trực tiếp bằng giống, vật tư nông nghiệp, ứng trước. Công ty hỗ trợ cho vay đầu tư trồng mía 15-20 triệu đồng/ha (chiếm 80-85% chi phí trồng mía. Vì vậy vùng nguyên liệu do Công ty quản lý và đầu tư vốn chiếm 90% tổng nguyên liệu sử dụng hàng năm, mang lại nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định cho Công ty.

Bảng 7: Vùng nguyên liệu của Công ty qua các năm

	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Vùng nguyên liệu Công ty quản lý (ha)	4.000	5.200	5.200
Vùng nguyên liệu Công ty đầu tư vốn (ha)	2.500	3.600	4.100
Sản lượng mía (tấn)	214.000	268.000	271.000
Vốn đầu tư (tỷ đồng)	23	43	45

Nguồn: Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Tổng sản lượng nguyên liệu ổn định của công ty hiện nay là: 260.000 tấn mía cây/năm và đến năm 2020 là 450.000 - 500.000 tấn mía cây/năm.

5.4.3 Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Chi phí nguyên liệu mía chiếm tỷ trọng khoảng 60-65% trong giá thành sản phẩm của Công ty nên biến động giá cả nguyên vật liệu ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả lợi nhuận của Công ty.

Năm 2009 theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, do diện tích trồng mía và năng suất trồng mía bình quân giảm nên tổng sản lượng mía cả nước chỉ đạt 15.246 nghìn tấn, giảm khoảng 5,5% so với năm 2008. Sự sụt giảm nguồn cung làm cho giá cả mía nguyên liệu cũng tăng cao. Giá thu mua mía bình quân năm 2009 của Công ty là 890 đồng/kg, với tỷ lệ thu hồi đường của Công ty khá cao là 9,87 mía/đường (9,87 tấn mía chế biến ra được 1 tấn đường) thì chi phí mía nguyên liệu của Công ty vào khoảng 8.784 đồng/kg đường chiếm 65% trên giá vốn bình quân năm 2009.

Đặc điểm của mía cây là canh tác theo mùa vụ nên Công ty có những kế hoạch đầu tư cho nông dân trồng mía, cũng như có kế hoạch thu mua để giảm thiểu ảnh hưởng trên về biến động giá cả nguyên vật liệu.

5.5 Chi phí sản xuất

Bảng 8: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		Quý I/2010	
		Giá trị	Tỷ trọng trên DTT	Giá trị	Tỷ trọng trên DTT	Giá trị	Tỷ trọng trên DTT
1	Giá vốn hàng bán	205.938	77,27%	206.611	73,01%	64.034	67,69%
2	Chi phí bán hàng	6.269	2,35%	5.192	1,83%	1.779	1,88%
3	Chi phí quản lý	6.556	2,46%	7.624	2,69%	2.018	2,13%
4	Chi phí tài chính	17.194	6,45%	(2.639)	(0,93%)	2.525	2,67%
TỔNG CỘNG		235.957	88,53%	216.788	76,61%	70.356	74,37%

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quyết toán Quý 1/2010

Giá vốn hàng bán của Công ty chiếm tỷ trọng vào khoảng 70-75% so với doanh thu thuần. Tỷ trọng chi phí giá vốn giảm qua các năm do giá bán đường thành phẩm tăng nhanh hơn giá mía nguyên liệu.

Đáng chú ý trong cơ cấu chi phí của Công ty là chi phí tài chính. Công ty đầu tư gần 664.764 cổ phiếu STB (Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín niêm yết trên HOSE) và phải trích lập dự phòng 13,9 tỷ đồng do cuối năm 2008 giá cổ phiếu STB giảm còn 18.400 đồng/cổ phiếu. Đến năm 2009, Công ty chuyển khoản đầu tư ngắn hạn này thành đầu tư dài hạn và hoàn nhập dự phòng 5 tỷ đồng do giá cổ phiếu STB vào ngày 31/12/2009 tăng lên 24.100 đồng/cổ phiếu. Việc hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính đã góp phần làm tăng lợi nhuận trước thuế của Công ty, lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2009 là 71,3 tỷ đồng tăng 95% so với năm 2008.

5.6 Trình độ công nghệ

Công ty CP Đường Ninh Hòa luôn chú trọng đầu tư vào máy móc công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực sản xuất của Công ty. Cùng với việc đầu tư cho công nghệ kỹ thuật, việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến cũng luôn được ban lãnh đạo công ty quan tâm.

Dây chuyền sản xuất của công ty được nhập khẩu từ các nước có nền công nghệ tiên tiến là Nhật Bản, Đức, Ấn Độ. Các máy móc thiết bị của Công ty cũng được tu sửa và cải tiến hằng năm. Công ty liên tục triển khai đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất và kế hoạch sẽ tăng năng suất của nhà máy lên 3000 tấn mía/ngày.

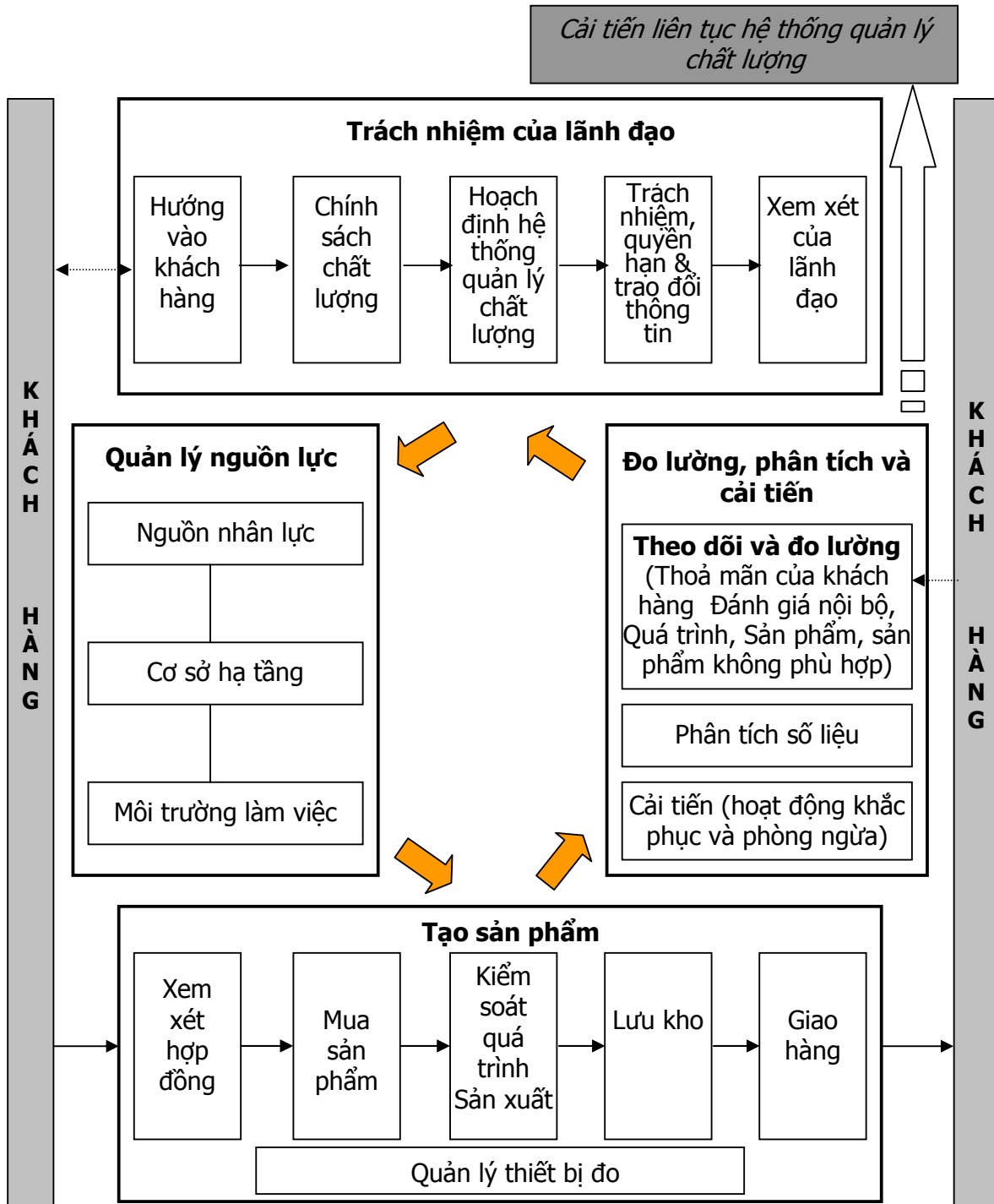
5.7 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Trên cơ sở chuyển đổi hình thức doanh nghiệp từ bộ phận Doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần đã mở ra cho Công ty thêm kênh huy động vốn tiềm năng từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước nhằm mở rộng sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và mang lại nhiều lợi ích cho khách hàng.

Chiến lược của Công ty đối với hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới trong giai đoạn hiện tại tập trung vào:

- Duy trì sự ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty.
- Nghiên cứu và quy hoạch lại nguồn nguyên vật liệu để tăng tính ổn định và nâng cao chất lượng nguyên liệu mía.
- Nghiên cứu hoặc đầu tư nghiên cứu các loại trang thiết bị để nâng cao năng suất lao động.
- Sản lượng điện thương phẩm tăng doanh thu và giảm giá thành sản xuất.

5.8 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm



Hình 4: Sơ đồ kiểm tra chất lượng sản phẩm

Hệ thống quản lý chất lượng tại Công ty được mô tả như hình trên. Hình trên chứng minh công ty đã:

- Xác định các quá trình cần thiết cho hệ thống quản lý chất lượng và việc áp dụng chúng trong Công ty. Các quá trình đó là:
 - Hoạch định hệ thống quản lý chất lượng
 - Xem xét hợp đồng
 - Mua hàng hoá
 - Quá trình tạo sản phẩm
 - Kiểm soát máy móc
 - Kiểm soát thiết bị đo lường và thử nghiệm
 - Kiểm soát cung cấp dịch vụ
 - Bảo quản sản phẩm
 - Kiểm soát sản phẩm không phù hợp
- Xác định trình tự và tương tác giữa các quá trình này (xem hình vẽ trên và Phụ lục 2: Danh mục các qui trình của Hệ thống quản lý chất lượng)
- Đảm bảo các quá trình này được vận hành và kiểm soát bởi:
 - Việc phát hành chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng
 - Hoạch định hệ thống quản lý chất lượng
 - Thực hiện việc xem xét của lãnh đạo
- Cung cấp các nguồn lực và thông tin cần thiết để hỗ trợ việc vận hành và kiểm soát các quá trình này
- Bổ nhiệm đại diện lãnh đạo về chất lượng
- Cung cấp các nguồn lực
- Cung cấp các tài liệu
- Cung cấp nguồn lực con người
- Cung cấp cơ sở hạ tầng
- Cung cấp môi trường làm việc thuận lợi
- Kiểm soát, đo lường và phân tích các quy trình này và thực hiện các hành động cần thiết để đạt được kết quả đề ra và cải thiện liên tục bằng:
 - Việc thực hiện đánh giá chất lượng nội bộ
 - Đo lường và thử nghiệm sản phẩm
 - Hành động khắc phục, phòng ngừa và cải tiến

5.9 Hoạt động Marketing

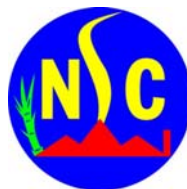
Chính sách bán hàng của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa chủ yếu là bán sỉ và bán cho khách hàng công nghiệp.

Công ty không ngừng đẩy mạnh hoạt động marketing, quảng bá thương hiệu, phát triển thị trường trong nước, mở rộng và thúc đẩy các mảng dịch vụ và thương mại.



5.10 Nhãn hiệu thương mại

Logo Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa:



5.11 Danh sách các hợp đồng đã và đang thực hiện

Bảng 9: Danh sách các hợp đồng đã và đang thực hiện

STT	Tên đối tác	Nội dung HĐ	Giá trị HĐ (1.000 đồng)	Ngày ký
1	Cty TNHH SX-TM Thành Thành Công	Bao PP+PE	2.752.800	24/11/2009
2	Cty TNHH TM-DV-SX T.T.C	Xút vảy NaOH min 99%	288.000	24/11/2009
3	Cty TNHH TM Hưng Phát Thành	Acid Phosphoric min 85%	722.000	24/11/2009
4	DNTN Ánh Hồng	Vôi cục CaO min 80%	714.286	24/11/2009
5	Cty TNHH Hóa chất Thành Phương	Lưu huỳnh, PAC	544.500	24/11/2009
6	Cty TNHH TM-DV-SX Nhật Quang	Avolap 197	137.740	24/11/2009
7	Cty TNHH May Ngô Gia	Máy may bao Newlong DS9C	81.000	12/11/2009
STT	Tên đối tác	Nội dung HĐ	Giá trị HĐ (USD)	Ngày ký
1	Chronos Richardson Ltd	Máy cân đóng bao bán tự động	29.500	30/11/2009
2	National Heavy Engineering Co. Ltd	Máy ly tâm mè NG 1250	136.500	01/06/2009
3	Hekou MingCheng Technology Ltd	Thiết bị lọc chân không	81.700	07/07/2009
4	Hekou MingCheng Technology Ltd	Máy ép mía HGX	520.000	05/05/2009
5	Behn Meyer Specialty Chemicals	Promel, Proscale, Produra, Prosurf, Talosep	35.415	01/10/2009

Nguồn: Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất

6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 10: Các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng/giảm	Quý I/2010
Tổng giá trị tài sản	135.248	210.840	55,89%	317.407
Doanh thu thuần	266.517	282.978	6,18%	94.605
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	36.297	70.775	94,99%	25.442
Lợi nhuận khác	154	527	242,15%	23
Lợi nhuận trước thuế	36.451	71.303	95,61%	25.465
Lợi nhuận sau thuế	31.346	64.231	104,91%	22.227
Tỷ lệ cổ tức	20%	20%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	43,25%	21,11%	-22,14%	-

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2008, 2009; BCTC Quyết toán Quý 1/2010

Tổng giá trị tài sản của Công ty vào thời điểm cuối năm 2009 là 210,8 tỷ đồng, tăng gần 56% so với đầu năm, chủ yếu là do hàng tồn kho tăng gần 30 tỷ đồng (phần lớn là tồn kho thành phẩm do chính sách bán hàng của Công ty chờ đợi giá đường tăng đạt kỳ vọng). Bên cạnh đó, tài sản cố định hữu hình của Công ty cũng tăng từ 62 tỷ đồng đầu năm lên 81 tỷ đồng vào cuối năm do các chi phí sửa chữa lớn hàng năm và đầu tư nâng cao công suất máy lên 2.400 tấn mía/ngày.

Sản lượng sản xuất năm 2009 chỉ đạt 27.500 tấn đường, giảm nhẹ so với 28.000 tấn đường năm 2008 do sản lượng mía giảm mạnh. Tuy nhiên giá đường năm 2009 tăng mạnh trong năm, nên doanh thu Công ty vẫn đạt gần 283 tỷ đồng, tăng 6,2% so với năm 2008.

Lợi nhuận sau thuế năm 2009 của Công ty đạt 64,2 tỷ đồng, tăng 105% so với năm 2008 do giá đường tăng cao và một phần do hoàn nhập dự phòng của khoản đầu tư tài chính của khoản đầu tư 664.674 cổ phiếu STB. Kết quả kinh doanh quý 1/2010 cũng có nhiều khả quan do Công ty vẫn còn tồn kho năm 2009 với giá vốn nguyên liệu thấp. Lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2010 đạt 22,2 tỷ đồng, đạt 65% kế hoạch của cả năm 2010 là 34 tỷ đồng được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong phiên họp thường niên năm 2010.

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008-2009

6.2.1 Thuận lợi

- Được sự quan tâm ủng hộ của Sở ban ngành, chính quyền địa phương; sự chỉ đạo sâu sát của HĐQT, sự ủng hộ và giúp đỡ của các cổ đông, sự đoàn kết nhất trí cao của ban điều hành và toàn thể CBCNV quyết tâm hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.
- Công ty và nhà máy đường nằm ở trung tâm vùng mía nguyên liệu, với bán kính vận chuyển tối đa 30km, làm giảm chi phí vận chuyển đáng kể.



- Công tác thu mua nguyên liệu mía linh hoạt, kịp thời và hợp lý đồng thời luôn có sự phối hợp chặt chẽ với tiến độ sản xuất chế biến, đảm bảo chất lượng nguyên liệu đưa vào chế biến đạt hiệu quả cao nhất. Bên cạnh đó là sự tin tưởng của người trồng mía vào chính sách đầu tư và thu mua của Công ty nên nên gắn bó và hợp tác lâu dài.
- Công ty đã cử cán bộ chuyên môn đi tìm hiểu, tham quan học tập về công tác khuyến nông của các công ty đường trong và ngoài nước đồng thời liên hệ địa phương xin quỹ đất phục vụ cho trại khảo nghiệm mía giống nhằm đưa đến cho người nông dân vùng nguyên liệu những điều kiện thuận lợi trong canh tác, nâng cao sự gắn bó giữa nông dân và doanh nghiệp.
- Hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, được nâng cấp và mở rộng thường xuyên, công tác kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị hàng năm của Công ty trước khi vào vụ ép tốt.
- Lực lượng CBCNV đã trải qua nhiều vụ sản xuất và đúc kết được nhiều kinh nghiệm nên có những bước trưởng thành đáng kể trong công việc.
- Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2008 đã đi vào hoạt động có hiệu quả đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý điều hành mọi hoạt động của Công ty.
- Ban điều hành công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, kịp thời nắm bắt diễn biến tình hình trong dây chuyền sản xuất cũng như biến động giá nguyên liệu, giá đường trên thị trường, từ đó đề xuất các chủ trương thu mua mía, chính sách giá tiêu thụ đường phù hợp, đem lại hiệu quả kinh doanh cho công ty.
- Toàn bộ công ty đã đạt được sự nhất trí cao, tận dụng tối đa cơ sở vật chất của Công ty và năng lực sản xuất, góp phần đáng kể vào việc cải thiện kết quả sản xuất kinh doanh.
- Chính phủ đã và đang thực hiện những biện pháp kích cầu như hỗ trợ lãi suất và kiểm soát lạm phát nhằm vực dậy nền kinh tế sau cuộc khủng hoảng.
- Giá dầu đang ở mức thấp so với đỉnh cao giữa năm 2008, nhờ vậy giá cả của nhiên liệu và một số nguyên vật liệu cũng giảm theo.
- Giá đường thế giới và trong nước năm 2009 tiếp tục tăng cao do sản lượng đường niên vụ 2008/2009 giảm 10,66% so với niên vụ 2007/2008.

6.2.2 Khó khăn

- Năng suất mía tại khu vực Ninh Hòa còn thấp, trong điều kiện hiện nay vùng nguyên liệu chưa thực hiện trồng mía rải vụ được nên vào vụ mía chín, dây chuyền ép mía của công ty hoạt động hết công suất vẫn không thể giải quyết hết lượng nguyên liệu tồn và ngược lại.
- Việc đầu tư thủy lợi cho vùng nguyên liệu mía của công ty đòi hỏi chi phí rất lớn, riêng khả năng tài chính của công ty không thể đảm đương nổi mà cần phải tìm hiểu tiếp cận các nguồn vốn ngân sách cấp cho địa phương phát triển cây mía để cùng phối hợp thực hiện.
- Việc cạnh tranh gay gắt nguyên liệu giữa 2 Công ty trong cùng một vùng nguyên liệu (nhà máy đường của Công ty Đường Khánh Hòa có công suất gấp 3 lần nhà máy của Công ty) đã gây nhiều khó khăn cho Công ty trong công tác đầu tư, thu mua và sản xuất.
- Giá cả nguyên vật liệu tăng cao, lượng bã mía thừa trong sản xuất quá lớn đã làm tăng chi phí trong sản xuất và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Do điều kiện Công ty ở xa trung tâm kinh tế lớn, đô thị nên việc thu hút lực lượng lao động có chất lượng cao còn nhiều trở ngại. Khủng hoảng kinh tế năm 2008 làm nhu cầu sản xuất và tiêu dùng cũng giảm mạnh.
- Lãi suất ngân hàng tăng cao bên cạnh lạm phát, giá cả phân bón, lương thực đều tăng làm nông dân trồng mía gặp nhiều khó khăn
- Năm 2008 thời tiết rét đậm rét hại đồng thời bị ảnh hưởng cơn bão số 5 làm sản lượng mía mùa vụ 2008-2009 đạt hiệu quả thấp, năng suất giảm.
- Chứ đường trong mía còn thấp (khoảng 10 CCS) và năng suất mía bình quân thấp.
- Diện tích trồng mía ngày càng thu hẹp do nông dân chuyển sang trồng những loại cây khác có hiệu quả kinh tế cao hơn và ổn định hơn.
- Ngành công nghiệp mía đường Việt Nam đang trong tình trạng thiếu hụt nguyên liệu, giá mía nguyên liệu biến động phức tạp và thay đổi theo vùng làm ảnh hưởng mạnh đến giá thành sản phẩm.

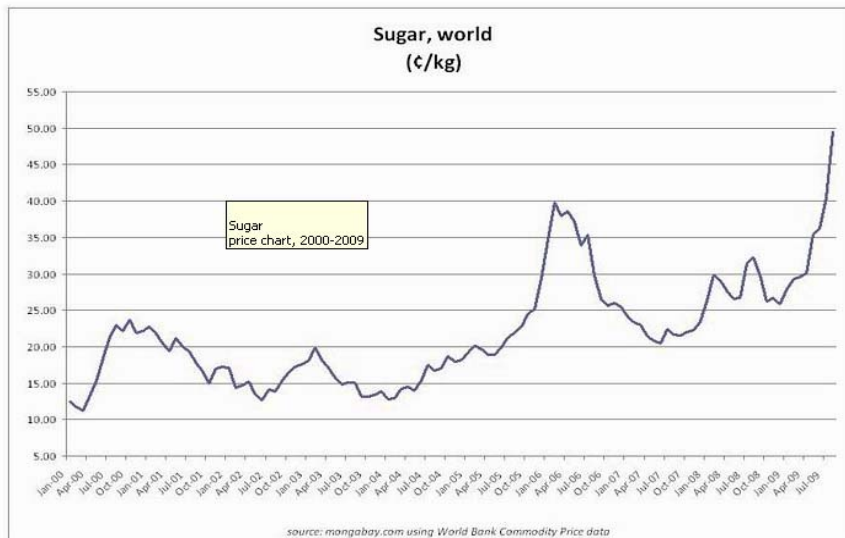
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1 Triển vọng phát triển của ngành

Tình hình đường thế giới

Tổng sản lượng đường Thế giới vụ 08-09 đạt 148,73 triệu tấn, giảm 10,66% so với vụ trước. Trong đó đứng đầu về sản lượng là Brazil với 32,35 triệu tấn chiếm 21,8%, đứng thứ hai là Ấn Độ với 17 triệu tấn chiếm 11,3 %, thứ ba là Trung Quốc đạt 12,5 triệu tấn chiếm 8,4%.

Nhu cầu tiêu dùng đường thế giới năm 2009 khoảng 156,65 triệu tấn, trong đó năm quốc gia tiêu thụ đường lớn nhất thế giới là Ấn Độ, Trung Quốc, EU, Brazil và Mỹ. Lượng đường tiêu thụ tại các quốc gia này chiếm 50% sản lượng đường của thế giới, riêng tiêu dùng của Ấn Độ hàng năm 23 triệu tấn, Trung Quốc tiêu thụ 15 triệu tấn.



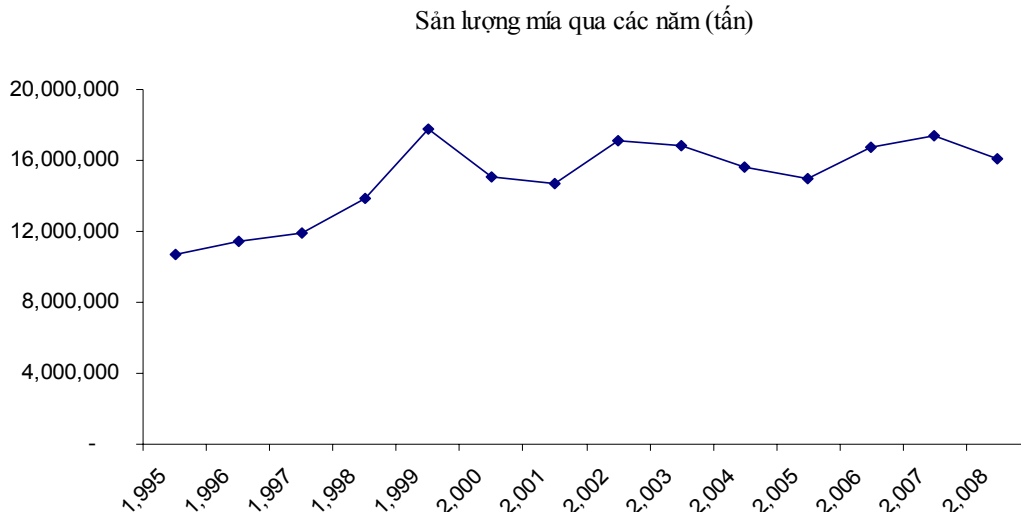
Nguồn: www.ios.org

Trong giai đoạn 2001- 2009 tốc độ tăng trưởng tiêu dùng đường bình quân thế giới là 2,09% thấp hơn tốc độ tăng trưởng sản lượng bình quân là 2,86%. Như vậy giá đường chủ yếu phụ thuộc vào lượng đường tồn kho thế giới, nếu lượng đường tồn kho biến động thì giá đường sẽ thay đổi theo.

Trong khoảng 9 năm qua giá đường thế giới có xu hướng gia tăng, giá đường ổn định trong giai đoạn 2000 – 2004 với khoảng 200USD/tấn. Giá đường tăng mạnh vào năm 2006 đạt đỉnh điểm 419 USD/tấn. Giá đường thế giới hai quý đầu năm 2009 tiếp tục tăng cao do sản lượng đường vụ 08-09 giảm 10,7% so vụ trước. Giá đường trắng trên thị trường thế giới hiện dao động quanh mức 555 USD/tấn. Dự báo vụ 2009 -2010 sản lượng đường thế giới giảm sút do thời tiết không thuận lợi do đó giá đường trong ngắn hạn khó có thể giảm.

Tình hình đường Việt Nam

Về sản lượng mía: Kết thúc vụ 08-09 trên cả nước thì sản lượng mía ép, diện tích trồng mía và năng suất mía đều giảm so với vụ 07-08 cụ thể: sản lượng mía ép đạt 9.644.000 tấn giảm 20%, diện tích trồng mía 275.000 ha giảm 12%, năng suất mía bình quân 50 tấn/ha giảm 7,6%.

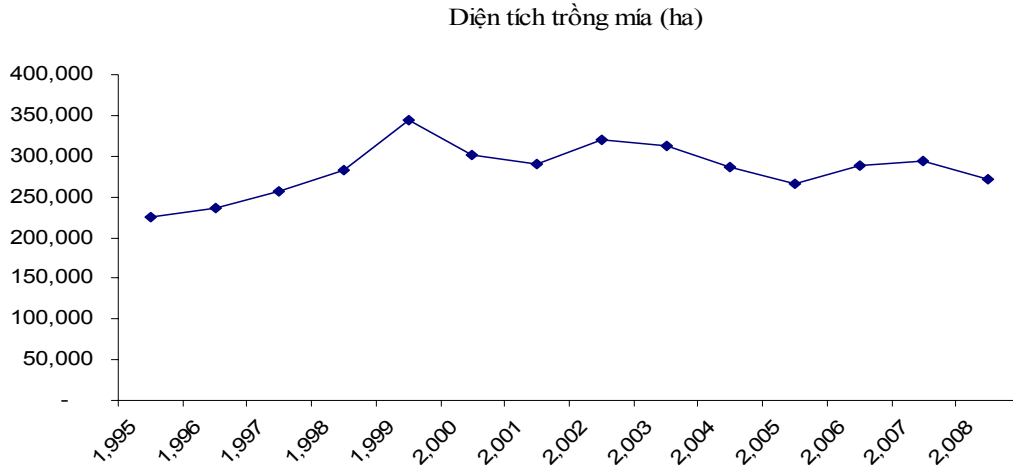


Nguồn: www.gso.gov.vn

Sản lượng mía ép trong thời gian qua nhìn chung có xu hướng gia tăng, tuy nhiên sau năm 1999 sản lượng mía đạt mức cao nhất 17,7 triệu tấn thì sản lượng có xu hướng giảm và đang giảm mạnh trong những năm gần đây, sản lượng mía năm 2008 đạt 16 triệu tấn. Sản lượng mía trong giai đoạn 1995 – 2008 tính bình quân tốc độ tăng trưởng sản lượng khoảng 3,5%/năm. Điều này cho thấy ngành đường phát triển khá ổn định không có sự tăng trưởng mạnh vì sản phẩm đường là sản phẩm tiêu dùng thiết yếu.

Về vùng nguyên liệu: Trong hơn 10 năm qua thì diện tích trồng mía có xu hướng gia tăng, năm 1999 diện tích trồng mía đạt 344.200 ha tăng 53% so với năm 1995. Sau năm 1999 diện tích trồng mía bắt đầu có xu hướng giảm, tới năm 2008 diện tích trồng mía đạt 271.000 ha giảm 20% so với năm 1999. Theo quy hoạch của Chính phủ về mục tiêu phát triển ngành mía đường thì tới năm 2010 diện tích trồng mía là 300.000 ha. Như vậy diện tích trồng mía hiện nay mới chỉ đạt khoảng 70% so với mục tiêu phát triển ngành. Thực tế này cho thấy các nhà máy

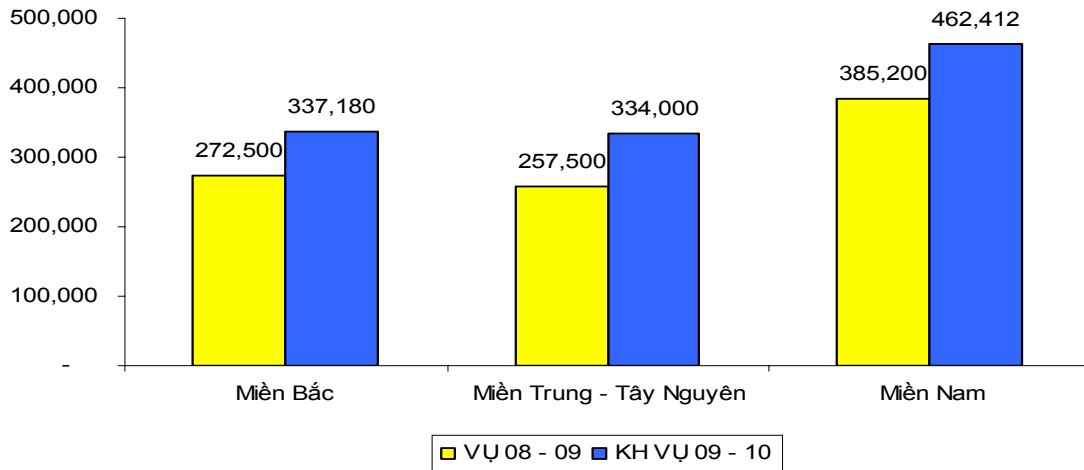
đường chưa thật sự quan tâm đúng mức công tác đầu tư phát triển vùng nguyên liệu lâu dài. Để phát triển ngành mía đường ổn định thì các nhà máy đường phải chia sẻ lợi ích với người trồng mía, xây dựng chính sách thu mua mía thỏa đáng cho người nông dân để họ có thể gắn bó lâu dài với cây mía.



Nguồn: www.gso.gov.vn

Về sản lượng đường: Vụ 08-09 có 40 nhà máy đường hoạt động sản xuất với tổng công suất thiết kế là 105.750 tấn mía/ngày. Do vụ 08-09 tỷ lệ phát huy công suất bình quân cả nước chỉ đạt khoảng 60% so với công suất thiết kế nên sản lượng đường sản xuất vụ 08 - 09 đạt 915.200 tấn giảm 20% so với vụ trước. Trong đó miền Bắc chiếm 30%, khu vực miền trung Tây Nguyên chiếm 28% còn lại miền Nam chiếm 42%. Mặc dù phân bố như trên nhưng lượng đường sản xuất tập trung chủ yếu tại một số khu vực như Đồng Bằng sông Cửu Long chiếm 30% tổng sản lượng cả nước còn khu vực Thanh Hóa - Nghệ An chiếm 25%. Vì thế nếu sản lượng đường hai khu vực này biến động sẽ ảnh hưởng lớn tới giá đường trên thị trường. Do nguồn cung đường trong nước sụt giảm trong khi nhu cầu tiêu dùng đường cho sản xuất và tiêu dùng không giảm dẫn tới giá đường tăng mạnh bắt đầu từ giữa tháng 6/2009 khi các nhà máy kết thúc vụ ép 08-09, giá đường đã tăng khoảng 30% so với đầu năm 2008.

Sản lượng đường (tấn)



Nguồn: Hiệp hội mía đường Việt Nam

Về nhu cầu tiêu thụ: Nhu cầu tiêu thụ đường trong nước hiện nay đạt khoảng 1,2 triệu tấn, nguồn cung đường trong nước không đáp ứng đủ nhu cầu nên lượng đường thiếu hụt hàng năm được bù đắp thông qua nhập khẩu. Giá đường năm 2009 tăng mạnh chủ yếu do nguồn cung đường thế giới giảm mạnh kéo theo giá đường trong nước tăng. Do thời tiết không thuận lợi tại các quốc gia sản xuất đường lớn như: Ấn Độ, Úc, Thái Lan làm sản lượng đường thế giới sụt giảm.

Về nhập khẩu: Hiện tại sản xuất đường trong nước chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng, hạn ngạch nhập khẩu đường vụ 08-09 là 61.000 tấn. Lượng đường nhập khẩu của Việt Nam chủ yếu từ Thái Lan và Trung Quốc, bảy tháng đầu năm 2009 nhập khẩu đường từ Thái Lan đạt 23,32 triệu USD chiếm 44,27 % tổng kim ngạch nhập khẩu, Trung Quốc 11,65 triệu USD chiếm 22,1%.

Theo cam kết của AFTA tới năm 2010 thuế suất nhập khẩu áp dụng chung cho các loại đường nhập khẩu từ các nước Asian là 5%. Với mức thuế suất này lượng đường nhập khẩu từ Thái Lan sẽ tăng mạnh hơn nữa, đường Thái sẽ là đối thủ cạnh tranh mạnh với các doanh nghiệp đường trong nước.

Theo cam kết gia nhập WTO của Việt Nam thì thuế nhập khẩu đường trong hạn ngạch là 25% đối với đường thô và 60% đối với đường luyện từ mía, còn đường luyện từ củ cải trong hạn ngạch là 50%. Đường nhập khẩu ngoài hạn ngạch không hạn chế về quy định nhập khẩu nhưng mức thuế suất nhập khẩu rất cao từ 80% đến 100%.

Kết luận: Từ các phân tích trên, dự báo năm 2010 sẽ tiếp tục có sự chênh lệch giữa cung và cầu đường trong nước, đặc biệt là cầu lớn hơn cung. Vì vậy vốn đầu tư cho ngành đường sẽ tiếp tục tăng. Tuy nhiên, do việc sản xuất đường phụ thuộc khá nhiều vào vùng nguyên liệu nên khả năng tăng trưởng nhanh của ngành là rất khó. Dự báo ngành đường tiếp tục tăng trưởng không quá 4% trong năm 2010.

7.2 Vị thế Công ty trong ngành

Hiện nay, theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, trong cả nước có khoảng 40 nhà máy đường với tổng công suất thiết kế là 105.750 tấn mía/ngày (niên vụ 2008/2009), công suất trung bình là 2.643,75 tấn mía/ngày. Công suất của Công ty năm 2009 là 2.400 tấn mía/ngày thấp hơn so với trung bình ngành. Năm 2010, Công ty dự kiến nâng công suất lên 3.000 tấn mía/ngày, tuy nhiên vẫn còn thấp so với quy mô tối thiểu để đạt hiệu quả về kinh tế của một nhà máy sản xuất mía đường trên thế giới là 6.000-7.000 tấn mía/ngày. Quy mô nhà máy của Công ty còn thấp hơn nhiều so với các Công ty đầu ngành như Nghệ An Tate & Lyte (9.000 tấn mía/ngày), Bourbon Tây Ninh (8.000 tấn mía/ngày), Đường Lam Sơn (7.000 tấn mía/ngày), Đường Biên Hòa (4.500 tấn mía/ngày).

Sản lượng đường của Công ty năm 2009 là 27.500 tấn, chiếm khoảng 3% tổng sản lượng 909 nghìn tấn đường của cả nước.

7.3 Định hướng phát triển của Công ty

Trên cơ sở đánh giá đầy đủ năng lực, điều kiện của Công ty, đặc điểm tình hình có liên quan đến lĩnh vực hoạt động, những cơ hội và thách thức, dự kiến những mục tiêu và định hướng phát triển cơ bản của Công ty trong thời gian tới như sau:

➤ Định hướng chiến lược (đến 2020):

Phát triển Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa thành một Doanh nghiệp kinh doanh đa ngành trên cơ sở phát huy tối ưu ngành mía đường, từng bước phát triển vững chắc các ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, dịch vụ nhằm tăng nhanh qui mô và hiệu quả kinh doanh, xây dựng thương hiệu Ninh Hòa trở thành một doanh nghiệp mạnh của khu vực và cả nước.

➤ Kế hoạch phát triển đến năm 2015:

- Tập trung phát triển lĩnh vực chế biến mía đường và các sản phẩm sau đường, bên cạnh đường.
- Tranh thủ cơ hội mở rộng đầu tư tài chính vào các lĩnh vực mía đường & dịch vụ- du lịch.

▪ Ngành mía đường:

- Đầu tư phát triển vùng mía nguyên liệu đến mức ổn định 7.000-7.500 ha, với năng suất và chất lượng ngày càng cao.
- Nâng công suất chế biến lên 3.000 tấn mía/ngày, ổn định chất lượng sản phẩm và tiết kiệm chi phí chế biến.

▪ Các ngành sản xuất sản phẩm sau đường, bên cạnh mía đường:

Sản xuất phân bón NPK và phân bón hữu cơ vi sinh:

- Qui mô: + Phân NPK giai đoạn 1: 25.000 tấn/năm.
+ Phân vi sinh: 5.000÷7.000 tấn/năm.

Sản xuất điện từ bã mía:

- Công suất: 9 MW
Sản lượng: 8 triệu kwh/năm.

- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp mía đường, dịch vụ du lịch trong khu vực miền Trung và Tây nguyên và các lĩnh vực dịch vụ khác.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1 Tình hình lao động

Tình hình lao động của Công ty được tóm tắt trong bảng dưới đây:

Bảng 11: Tình hình lao động của Công ty tính đến 30/03/2010

Lao động	30/03/2010	Tỉ trọng
Số lượng nhân viên	294	100%
Phân theo giới tính		
▪ Nữ	40	14%
▪ Nam	254	86%
Phân theo trình độ chuyên môn		
▪ Đại học và trên Đại học	35	12%
▪ Cao đẳng, trung học	34	12%
▪ Đã qua đào tạo nghề	210	71%
▪ Lao động phổ thông	15	5%

Nguồn: Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Công ty luôn xem nguồn nhân lực là một yếu tố hết sức quan trọng cho quá trình vận động và phát triển không ngừng của Công ty.

8.2 Chính sách đối với người lao động

- Đảm bảo việc làm cho người lao động, thu nhập của người lao động ngày càng được cải thiện.
- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người lao động theo đúng quy định của pháp luật.
- Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với tập thể và cá nhân có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty.
- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia các khóa đào tạo nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.
- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển Công ty nhằm gia tăng về chất.
- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao tay nghề.

9. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật, mức cổ tức hàng năm do Hội đồng Quản trị đề xuất và do Đại hội đồng Cổ đông quyết định như sau:

- Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.



- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.
 - Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông vào giữa năm nếu Hội đồng quản trị cho rằng khả năng lợi nhuận của Công ty có thể đáp ứng.
- Tình hình chia cổ tức của Công ty qua các năm như sau:

Bảng 12: Tình hình chi trả cổ tức

	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010 <i>(dự kiến)</i>
Vốn điều lệ (triệu đồng)	67.784	67.784	81.000
Tiền mặt/vốn điều lệ	20%	20%	20%
Cổ phiếu/vốn điều lệ	-	-	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

10. Tình hình hoạt động tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo Tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

10.1.1 Trích khấu hao tài sản cố định

Công ty trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao áp dụng cho các loại tài sản tại Công ty như sau:

- | | |
|---------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc: | 10 - 20 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 03 - 20 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải: | 10 năm |
| ▪ Thiết bị văn phòng: | 03 năm |

10.1.2 Mức lương bình quân

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty trong năm 2009 là 2.900.000 đồng/người/tháng.

10.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2008 và năm 2009 đã kiểm toán, Công ty thanh toán các công nợ đầy đủ và đúng hạn cho nhà cung cấp, không có nợ quá hạn.

10.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của Nhà nước và cơ quan thuế.

10.1.5 Trích lập các quỹ

Sau khi kết thúc niên độ tài chính, Công ty tiến hành trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tỷ lệ trích lập các Quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm. Tình hình số dư các quỹ năm 2008 và năm 2009 như sau:

Bảng 13: Tình hình số dư các quỹ

Đvt: triệu đồng

STT	Diễn giải	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
1	Quỹ dự phòng tài chính	4.280	6.778	6.778
2	Quỹ đầu tư phát triển	28.904	53.428	56.462
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.909	6.873	4.364
TỔNG CỘNG:		35.093	67.079	67.604

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2008, 2009, BCTC Quyết toán Quý 1/2010

10.1.6 Tổng dư nợ vay

Tổng dư nợ vay ngân hàng của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2009 là 24.887.833.400 đồng. Tình hình vay và nợ dài hạn từ Ngân hàng như sau:

Bảng 14: Tình hình dư nợ vay đến ngày 31/12/2009

Đvt: đồng

STT	Ngân hàng	Số dư nợ vay	Diễn giải
1	Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hòa	2.884.500.000	
2	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	22.003.333.400	
Tổng cộng		24.887.833.400	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009

10.1.7 Tình hình công nợ

Bảng 15: Các khoản phải thu

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008		31/12/2009		31/03/2010	
	Số dư	Nợ quá hạn	Số dư	Nợ quá hạn	Số dư	Nợ quá hạn
Phải thu của khách hàng	113	-	365	-	9	-
Trả trước cho người bán	47.914	-	49.493	-	33.932	-
Các khoản phải thu khác	-	-	6.719	-	-	-
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-	(86)	-	(86)	-
Tổng cộng	48.027	-	56.491	-	33.855	-

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2008, 2009; BCTC Quyết toán Quý 1/2010

Bảng 16: Các khoản phải trả

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008		31/12/2009		31/03/2010	
	Số dư	Nợ quá hạn	Số dư	Nợ quá hạn	Số dư	Nợ quá hạn
Nợ ngắn hạn	25.721	-	42.283	-	122.498	-
Vay và nợ ngắn hạn	14.854	-	15.271	-	66.835	-
Phải trả cho người bán	3.224	-	15.108	-	19.392	-
Người mua trả trước	90	-	172	-	6.950	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.127	-	7.899	-	9.911	-
Phải trả công nhân viên	2.549	-	2.771	-	1.977	-
Chi phí phải trả	99	-	199	-	8.413	-
Phải trả phải nộp khác	2.778	-	862	-	9.020	-
Nợ dài hạn	2.990	-	9.725	-	23.800	-
Tổng cộng	28.711	-	52.008	-	146.298	-

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2008, 2009; BCTC Quyết toán Quý 1/2010

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**Bảng 17:** Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Quý I/2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,59 lần	2,31 lần	1,69 lần
- Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ – Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	2,36 lần	1,50 lần	0,30 lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	21%	25%	46%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	27%	33%	88%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	27,56 lần	6,00 lần	0,62 lần
- Vòng quay tổng tài sản	1,27 lần	1,34 lần	0,36 lần
- Vòng quay khoản phải thu	4.683 lần	775 lần	505 lần
- Vòng quay khoản phải trả	55,02 lần	13,68 lần	3,71 lần



Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Quý I/2010
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)			
- Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	11,76%	22,70%	23,49%
- Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	29,96%	42,27%	13,95%
- Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	23,18%	30,46%	8,42%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	13,62%	25,01%	26,89%

Ngành sản xuất mía đường có đặc thù là sản xuất theo mùa vụ, đồng thời việc bán hàng và dự trữ hàng tồn kho cũng dựa trên dự báo diễn biến tăng giảm giá đường trên thị trường. Vì vậy, các chỉ số về khả năng thanh toán, chỉ số về năng lực hoạt động đều có biến động đáng kể qua các năm.

Công ty luôn duy trì tỷ lệ nợ vay ổn định và ở mức an toàn là 25% trên tổng tài sản, thể hiện tình hình tài chính lành mạnh và ổn định của công ty.

Các chỉ tiêu về lợi nhuận của công ty năm 2009 tăng đáng kể so với năm 2008 do diễn biến thuận lợi về giá đường trên thị trường. Lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn của chủ sở hữu của Công ty năm 2009 là 42,27% tăng hơn nhiều so với mức 30% của năm 2008.

11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Đình Mạnh Thu	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên HĐQT
3	Ông Trương Quang Tôn	Thành viên HĐQT
4	Bà Châu Kim Yến	Thành viên HĐQT
5	Ông Huỳnh Văn Pháp	Thành viên HĐQT

▪ Ông Phạm Đình Mạnh Thu – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên:

PHẠM ĐÌNH MẠNH THU

Gioi tính: Ngày tháng năm sinh: Nơi sinh: CMND Quốc tịch: Dân tộc: Quê quán: Địa chỉ thường trú: Số ĐT liên lạc ở cơ quan: Trình độ văn hóa: Trình độ chuyên môn: Quá trình công tác: + Từ 1975 đến 1998 : + Từ 1998 đến 2001 : + Từ 2001 đến 2002 : + Từ 2002 đến 2003 : + Từ 2003 đến 2009 : + Từ 2009 đến nay : Chức vụ công tác hiện nay: Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Số CP nắm giữ: (thời điểm 27/04/2010) + Đại diện sở hữu: (Công ty TNHH SX-TM Thành Thành Công) + Cá nhân sở hữu: Hành vi vi phạm pháp luật: Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Những người có liên quan: Những khoản nợ đối với Công ty: Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Nam 12/02/1957 Tây Ninh 020100483 Cấp ngày 28/11/2005 Tại TP Hồ chí Minh Việt Nam Kinh Tây Ninh 30/18/B1 Hoàng hoa Thám, P12, Q. Tân Bình, Tp. HCM (08) 3864 8326 12/12 Cao Đẳng Chế Biến Thực Phẩm Công tác tại Công ty Đường Bình Dương Công tác tại Công ty XNK & KDTH Mía Đường Công tác tại Công ty Mía Đường Sóc Trăng Công tác tại Công ty TNHH Quốc Tế Nagarjuna Công tác tại Công ty TNHH SX-TM Thành Thành Công– Tiền Giang Công tác tại Công ty cổ phần SX-TM Thành Thành Công - TPHCM Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Ninh Hòa - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nhựa Phú Thọ - Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đường Phan Rang - Thành viên BKS Công ty cổ phần Mía Đường Sóc Trăng - Thành viên HĐQT Cty CP Mía Đường 333 58.167 cổ phần, chiếm 0,719% tổng số cổ phần 54.167 cổ phần, chiếm 0,67% tổng số cổ phần 4.000 cổ phần, chiếm 0,049% tổng số cổ phần Không Không Không Không Không Không
---	---



▪ Bà Nguyễn Thị Hoa – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Họ và tên:

NGUYỄN THỊ HOA

Giới tính:

Nữ

Ngày tháng năm sinh:

1964

Nơi sinh:

Diên Khánh, Khánh Hòa

CMND

220760941 Cấp ngày 01/06/2005 Tại CA Khánh Hòa

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quê quán:

Diên Khánh, Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú:

5A Trần Khánh Dư, Nha Trang, Khánh Hòa

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:

(058) 3620 106

Trình độ văn hóa:

12/12

Trình độ chuyên môn:

Đại học

Quá trình công tác:

+ Từ 1987 đến 1989:

Công tác tại Văn phòng UBND Huyện Diên Khánh

+ Từ 1990 đến 2000:

Công tác tại Công ty Đường Khánh Hòa

+ Từ 2001 đến 2005:

Công tác tại CTCP Bê Tông Ly Tâm Nha Trang

+ Từ 04/2006 đến nay:

Công tác tại CTCP Đường Ninh Hòa

Chức vụ công tác hiện nay:

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc – CTCP Đường Ninh Hòa

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Số CP nắm giữ:

(thời điểm 27/04/2010)

8.093 cổ phần, chiếm 0,1% tổng số cổ phần

+ Đại diện sở hữu:

0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần

+ Cá nhân sở hữu:

8.093 cổ phần, chiếm 0,1% tổng số cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không

Những người có liên quan:

Không

Những khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Không



▪ Ông Trương Quang Tôn – Thành viên HĐQT

Họ và tên:

TRƯƠNG QUANG TÔN

Giới tính:

Nam

Ngày tháng năm sinh:

10/08/1978

Nơi sinh:

Quảng Ngãi

CMND

212046864 Cấp ngày 18/6/2002 Tại CA Quảng Ngãi

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quê quán:

Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú:

Đội 2 Thôn 2, Nghĩa Đồng, TP.Quảng Ngãi

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:

(84-8) 3864 8326

Trình độ văn hóa:

12/12

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

+ Từ 2001 đến 2003 :

Nhân viên kinh doanh CTCP Mì Ăn Liền VISSAN

+ Từ 2003 đến 2006 :

Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH Quốc tế NAGAJUNA

+ Từ 2007 đến 2008 :

Quản lý khách hàng sỉ Công ty Metro Cash & Carry Việt Nam

+ Từ 2008 đến nay:

Trợ lý P.TGD Kinh doanh, Chuyên viên phát triển thị trường CTCP SXTM Thành Thành Công

Chức vụ công tác hiện nay:

Thành viên HĐQT – CTCP Đường Ninh Hòa

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

Chuyên viên phát triển thị trường CTCP SXTM Thành Thành Công

Số CP nắm giữ:

(thời điểm 27/04/2010)

+ Đại diện sở hữu:

2.500 cổ phần, chiếm 0,03% tổng số cổ phần

+ Cá nhân sở hữu:

0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật:

2.500 cổ phần, chiếm 0,03% tổng số cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không

Những người có liên quan:

Không

Những khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Không

Không



▪ Bà Châu Kim Yến – Thành viên HĐQT

Họ và tên:

CHÂU KIM YẾN

Giới tính:

Nữ

Ngày tháng năm sinh:

05/09/1983

Nơi sinh:

Bến Tre

CMND

321079446 Cấp ngày 27/03/2006 Tại CA Bến Tre

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Hoa

Quê quán:

Mỏ Cày. Bến Tre

Địa chỉ thường trú:

785/1 Lũy Bán Bích, P. Phú Thọ Hòa, Q. Tân Phú, Tp. HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:

(84-8) 3864 8326

Trình độ văn hóa:

12/12

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác:

+ Từ 08/2005 đến 09/2006:

Nhân viên Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

+ Từ 10/2006 đến nay:

Trải qua các vị trí Thư ký TGĐ; Trưởng phòng Kinh doanh chứng khoán; Trợ lý P.TGĐ Tài chính, Trưởng phòng Tài chính Công ty CP SXTM Thành Thành Công

Chức vụ công tác hiện nay:

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

Thành viên HĐQT – CTCP Đường Ninh Hòa

- Thành viên HĐQT – CTCP SX Chế biến chỉ xơ dừa 25/8
- Thành viên HĐQT – CTCP Du lịch Thanh Niên Đà Lạt
- Thành viên HĐQT – CTCP Du lịch Thắng Lợi
- Thành viên HĐQT – CTCP May Tiến Phát

Số CP nắm giữ:

(thời điểm 27/04/2010)

+ Đại diện sở hữu:

61.150 cổ phần, chiếm 0,75% tổng số cổ phần

+ Cá nhân sở hữu:

0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật:

61.150 cổ phần, chiếm 0,75% tổng số cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không

Những người có liên quan:

Không

Những khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Không

Không



▪ Ông Huỳnh Văn Pháp – Thành viên HĐQT

Họ và tên:

HUỲNH VĂN PHÁP

Giới tính:

Nam

Ngày tháng năm sinh:

17/05/1979

Nơi sinh:

Hoài Nhơn – Bình Định

CMND

211855701 Cấp ngày 05/04/2007 Tại CA tỉnh Bình Định

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quê quán:

Bồng Sơn – Hoài Nhơn, Bình Định

Địa chỉ thường trú:

91 Đào Duy Từ, Bồng Sơn – Hoài Nhơn, Bình Định

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:

08.39737642

Trình độ văn hóa:

12/12

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

+ Từ 08/ 2002-05/2003:

Công ty CP Đại Phát – Giám sát kinh doanh

+ Từ 06/2003- 12/2004:

Công ty TNHH Tâm Hợp Thành – ASM

+ Từ 2005-07/2009:

Công ty CP Bán Kẹo Hải Hà – Phó phòng kinh doanh

+ Từ tháng 08/2009- nay:

Công ty TNHH Đăng Thành – Trưởng phòng kinh doanh

Chức vụ công tác hiện nay:

Thành viên HĐQT – CTCP Đường Ninh Hòa

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Số CP nắm giữ:

(thời điểm 27/04/2010)

2.500 cổ phần, chiếm 0,03% tổng số cổ phần

+ Đại diện sở hữu:

0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần

+ Cá nhân sở hữu:

2.500 cổ phần, chiếm 0,03% tổng số cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không

Những người có liên quan:

Không

Những khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Không

11.2 Danh sách thành viên Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Hoa	Giám đốc
2	Ông Vũ Thành Châu	Phó Giám đốc
3	Ông Trầm Kim Dũng	Phó Giám đốc

▪ Bà Nguyễn Thị Hoa – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

(Xem phần Sơ yếu lý lịch của Thành viên HĐQT)

▪ Ông Vũ Thành Châu – Phó Giám đốc

Họ và tên:

VŨ THÀNH CHÂU

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	19/09/1959
Nơi sinh:	Đồng Nai
CMND	020420615 Cấp ngày 31/03/2008 Tại CA Tp. HCM
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hải Phòng
Địa chỉ thường trú:	320/486 CMT8, P5, Q. Tân Bình, Tp. HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	(058) 3620 040
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học
Quá trình công tác:	
+ Từ 1982 đến 1997:	Công tác tại Cty Đường Hiệp Hòa, trải qua các cương vị sau: Thợ máy, Đội vận tải, Đội phó vận tải, Nhân viên Phòng Kỹ thuật, Phó Phòng Kỹ thuật, Trưởng Phòng Kỹ thuật, Quản đốc Phân xưởng Đường
+ Từ 1997 đến 2002:	Công tác tại Tổng Công ty mía đường II, trải qua các cương vị sau: Trưởng Phòng Kỹ thuật Cty tư vấn và dịch vụ mía đường, Phó Phòng Kỹ thuật Tcty mía đường II
+ Từ 2002 đến 2005:	Công tác tại Công ty Rượu Bình Tây
+ Từ 2005 đến 2006:	Công tác tại Cty TNHH Rượu Vạn Phát với cương vị Phó chỉ huy công trường, Quản đốc Phân xưởng đường
+ Từ 03/2007 đến nay:	Công tác tại CTCP Đường Ninh Hòa với cương vị Phó Giám đốc kỹ thuật
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Giám đốc Kỹ thuật – CTCP Đường Ninh Hòa
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ:	4.380 cổ phần, chiếm 0,054% tổng số cổ phần
(thời điểm 27/04/2010)	
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần
+ Cá nhân sở hữu:	4.380 cổ phần, chiếm 0,054% tổng số cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người có liên quan:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không



▪ Ông Trần Kim Dũng – Phó Giám đốc

Họ và tên:	TRẦN KIM DŨNG
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	17/12/1964
<i>Nơi sinh:</i>	Kiến Hòa – Bến Tre
<i>CMND</i>	220320241 Cấp ngày 31/12/2003 Tại CA Khánh Hòa
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Xã Diên An, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	342 Lê Hồng Phong – Nha Trang
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	(058) 3620 105
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Đại học
Quá trình công tác:	
+ Từ 1987 đến 1990:	Công tác tại Công Ty Ngoại Thương Diên Khánh
+ Từ 1995 đến 2006:	Công tác tại Công ty Đường Khánh Hòa
+ Từ 2006 đến nay:	Công tác tại CTCP Đường Ninh Hòa
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Giám đốc Nguyên liệu – CTCP Đường Ninh Hòa
<i>Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không
Số CP nắm giữ:	
<i>(thời điểm 27/04/2010)</i>	7.624 cổ phần, chiếm 0,09% tổng số cổ phần
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần
+ Cá nhân sở hữu: (*)	7.624 cổ phần, chiếm 0,09% tổng số cổ phần
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không
<i>Những người có liên quan:</i>	Không
<i>Những khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không

(*) ngày 31/5/2010, mua thêm 2.018 cổ phần nên cổ phần nắm giữ là 9.642 cổ phần chiếm 0,12% tổng số cổ phần

11.3 Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Văn Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Trương Trọng Hải	Thành viên Ban Kiểm soát

▪ Ông Lê Văn Hòa – Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên:

LÊ VĂN HÒA

Giới tính:

Nam

Ngày tháng năm sinh:

10/05/1958

Nơi sinh:

Xuân Hiệp, Trà Ôn, Vĩnh Long

CMND

023326313 Cấp ngày 16/12/2005 Tại CA TP. HCM

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quê quán:

Xuân Hiệp, Trà Ôn, Vĩnh Long

Địa chỉ thường trú:

293 Tân Sơn Nhì, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TP.HCM

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:

(08) 3884 6326

Trình độ văn hóa:

12/12

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính Kế toán, Cao cấp chính trị - Lý luận chính trị

Quá trình công tác:

+ Từ 07/1979 đến 12/1985:

Công tác tại Tổng Công ty Mía đường 2

+ Từ 12/1985 đến 07/1993:

Công tác tại Công ty Đường Bình Dương

+ Từ 07/1993 đến 07/2001:

Kế toán trưởng Công ty Đường Hiệp Hòa

+ Từ 07/2001 đến 09/2003:

Phó Giám đốc DNTN Dệt may – TM Vạn Phát

+ Từ 09/2003 đến 02/2006:

Công tác tại Tổng Công ty Mía đường 2

+ Từ 02/2006 đến 08/2006:

Công tác tại Nhà máy cồn Xuân Lộc, Tổng Công ty Mía đường 2

+ Từ 09/2006 đến nay:

Chánh văn phòng TGD CTCP SXTM Thành Thành Công

Chức vụ công tác hiện nay:

Trưởng Ban kiểm soát – CTCP Đường Ninh Hòa

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chánh văn phòng TGD CTCP SXTM Thành Thành Công

- Trưởng BKS CTCP Mía đường 333

- Trưởng BKS CTCP Kinh doanh Tổng hợp Ninh Thuận

- Trưởng BKS CTCP May Tiến Phát

Số CP nắm giữ:

(thời điểm 27/04/2010)

2.500 cổ phần, chiếm 0,03% tổng số cổ phần

+ Đại diện sở hữu:

0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần

+ Cá nhân sở hữu:

2.500 cổ phần, chiếm 0,03% tổng số cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không

Những người có liên quan:

Không

Những khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Không



▪ Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên:

NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM

Giới tính:

Nữ

Ngày tháng năm sinh:

26/12/1969

Nơi sinh:

Ninh Đa, Ninh Hòa, Khánh Hòa

CMND

220567779 .Ngày cấp 11/11/1995.Tại CA K. Hòa

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quê quán:

Ninh Đa, Ninh Hòa, Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú:

Tổ dân phố 3 ,Thị trấn Ninh Hòa, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:

(058) 3620 242

Trình độ văn hóa:

12/12

Trình độ chuyên môn:

Đại học

Quá trình công tác:

+ Từ 12/1995 đến 02/2006:

Công tác tại Công ty Đường Khánh Hòa

+ Từ 02/2006 đến nay:

Công tác tại Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Chức vụ công tác hiện nay:

Thành viên Ban kiểm soát – CTCP Đường Ninh Hòa

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Số CP nắm giữ:

(thời điểm 27/04/2010)

8.267 cổ phần, chiếm 0,102% tổng số cổ phần

+ Đại diện sở hữu:

0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần

+ Cá nhân sở hữu:

8.267 cổ phần, chiếm 0,102% tổng số cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không

Những người có liên quan:

+ **Chồng Lê Thành Nhân**

8.093 cổ phần, chiếm 0,1% tổng số cổ phần

Những khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Không



▪ Ông Trương Trọng Hải – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên:	TRƯƠNG TRỌNG HẢI
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	7/10/1969
<i>Nơi sinh:</i>	Cam Ranh , Khánh Hoà
<i>CMND</i>	220776007 Ngày cấp 05/04/2006 Tại CA Khánh Hòa
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Quê quán:</i>	Ninh Quang, Ninh Hòa, Khánh Hoà
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	127 Ngô Gia Tự, Nha Trang, Khánh Hoà
<i>Số ĐT liên lạc ở cơ quan:</i>	(058) 3620 105
<i>Trình độ văn hóa:</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Đại học
Quá trình công tác:	
+ Từ 1997 đến 02/2006:	Công tác tại Công ty Đường Khánh Hòa
+ Từ 02/2006 đến nay:	Công tác tại Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Ban kiểm soát – CTCP Đường Ninh Hòa
<i>Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không
Số CP nắm giữ:	
<i>(thời điểm 27/04/2010)</i>	2.780 cổ phần, chiếm 0,034% tổng số cổ phần
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần
+ Cá nhân sở hữu:	2.780 cổ phần, chiếm 0,034% tổng số cổ phần
<i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>	Không
<i>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:</i>	Không
<i>Những người có liên quan:</i>	Không
<i>Những khoản nợ đối với Công ty:</i>	Không
<i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i>	Không

11.4 Kế toán trưởng

▪ Ông Phạm Cao Sơn – Kế toán trưởng

Họ và tên:
PHẠM CAO SƠN
Giới tính:

Nam

Ngày tháng năm sinh:

10/09/1965

Nơi sinh:

Nông trường Bình Minh, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình

CMND

220574624 Ngày cấp 18/11/1995 Tại Khánh Hòa

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quê quán:

Xã Ninh Lộc, Huyện Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú:

Tổ Dân phố 13 – TT Ninh Hòa, Khánh Hòa

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:

(058) 3620 242

Trình độ văn hóa:

12/12

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh Tế

Quá trình công tác:

+ Từ 1991 đến 1995:

Công tác tại Chi cục Thuế Ninh Hòa

+ Từ 12/1995 đến 01/2006:

Công tác tại Công ty Đường Khánh Hòa

+ Từ 02/2006 đến nay:

Công tác tại CTCP Đường Ninh Hòa

Chức vụ công tác hiện nay:

Kế toán trưởng – CTCP Đường Ninh Hòa

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Số CP nắm giữ:

(thời điểm 27/04/2010)

7.265 cổ phần, chiếm 0,09% tổng số cổ phần

+ Đại diện sở hữu:

0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần

+ Cá nhân sở hữu:

7.265 cổ phần, chiếm 0,09% tổng số cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không

Những người có liên quan:

Không

Những khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Không

12. Tài sản

Bảng 18: Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính đến ngày 31/12/2009

Đvt: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên Giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
1	Nhà xưởng, vật kiến trúc (*)	17.264.203.952	12.000.801.592	69,51%
2	Máy móc thiết bị sản xuất (*)	92.012.563.413	66.707.416.601	72,50%
3	Phương tiện vận tải	2.559.146.794	2.075.537.620	81,10%
4	Thiết bị quản lý	311.390.090	130.231.405	41,82%
	CỘNG	112.147.304.249	80.913.987.218	72,15%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009

(*) Tài sản bất động sản của Công ty chủ yếu là nhà máy và dây chuyền máy móc thiết bị của Công ty tại trụ sở chính ở Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Khuôn viên của nhà máy có diện tích 68.717 m² và thuộc quyền sở hữu của Công ty (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất).

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức những năm tiếp theo

Bảng 19: Kế hoạch kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2010-2012

	Đơn vị tính	2009	2010		2011		2012	
		Thực hiện	Kế hoạch	% tăng giảm so với 2009	Kế hoạch	% tăng giảm so với 2010	Kế hoạch	% tăng giảm so với 2011
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	67,784	81,000	19,5%	100,000	23,5%	120,000	20,0%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	283	412	45,6%	485	17,7%	615	26,7%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	71	45	-37%	60	33,3%	76	26,7%
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	Tỷ đồng	64	34	-47%	45	32,4%	57	26,7%
Tỷ lệ LNST/ DThu thuần	%	22,6%	8,3%	-14%	9,3%	1%	9,3%	-
Tỷ lệ LNST /Vốn điều lệ	%	94,4%	42,0%	-52%	45,0%	3,0%	47,5%	2,5%
Thu nhập trên mỗi cổ phần	Đồng/cp	9.440	4.200	-56%	4.500	7,2%	4.750	5,6%
Cổ tức/mệnh giá	%	20%	20%	-	20%	-	20%	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa xây dựng kế hoạch kinh doanh dựa trên nhận định thận trọng về thị trường ngành đường trong những năm tiếp theo. Năm 2010 do khó khăn về nguồn nguyên liệu nên sản lượng sản xuất của Công ty dự kiến sẽ đạt 25.500 tấn đường, thấp hơn thực hiện năm 2009 là 27.500 tấn.

Kế hoạch doanh thu năm 2010 là 412 tỷ đồng, tăng 45% so với thực hiện năm 2009 là do Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động sản xuất phân bón NPK và sản xuất điện thương phẩm. Vì các hoạt động này với mục đích phục vụ và hỗ trợ cho nông dân trồng mía mà không đặt cao chỉ tiêu lợi nhuận nên tỷ suất lợi nhuận của Công ty giảm đáng kể. Bên cạnh đó, sản lượng sản xuất giảm và giá đường giảm nên kế hoạch lợi nhuận trước thuế của Công ty chỉ đưa ra là 45 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 34 tỷ đồng.

Căn cứ hoàn thành kế hoạch

- Môi trường Kinh tế thế giới và Việt Nam những năm tới có những chuyển biến tốt.
- Thị trường ngành mía đường trong những năm tới tiếp tục dự báo có những thuận lợi về cân đối cung cầu, giá cả
- Năng lực nội tại công ty được phát huy, khai thác triệt để về: nguồn vốn, máy móc thiết bị, lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống quản trị và điều hành.
- Vùng mía nguyên liệu đã được quy hoạch, đang tập trung đầu tư phát triển theo hướng:
 - Ổn định và mở rộng diện tích
 - Các biện pháp nâng cao năng suất và chất lượng mía cây: giống, kỹ thuật canh tác, chính sách đầu tư,...
 - Hỗ trợ đầu tư cùng với nhà nước và nông dân vùng nguyên liệu về: thủy lợi, giao thông vận tải, khuyến nông, công tác xã hội.
- Tranh thủ lợi thế và các nguồn lực bao gồm :
 - Hợp tác các cơ quan chuyên môn (ngành mía đường), các doanh nghiệp (đầu vào, đầu ra).

- Tranh thủ cá nguồn vốn từ Ngân hàng, thị trường tài chính...
- Mở mang, học tập kinh nghiệm các doanh nghiệp, các đơn vị trong và ngoài ngành mía đường.
- Chính sách đào tạo, thu hút nguồn lực có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu quản lý và phát triển công ty trước mắt, lâu dài.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Lượng đường tiêu thụ của Việt Nam không ngừng tăng qua các năm với tốc độ tăng khá cao. Năm 2005 mức tiêu thụ đường bình quân theo đầu người là 14,74kg/người/năm và tăng lên 16,82kg/người/năm trong năm 2009. Nền kinh tế Việt Nam đang có những chuyển biến tích cực và đi vào ổn định sau cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008. Thu nhập người dân ngày càng được cải thiện nên nhu cầu tiêu dùng trong đó có mặt hàng đường kính trắng cũng ngày càng tăng. Dân số Việt Nam năm 2009 là 86 triệu người và tốc độ tăng trưởng dân số hàng năm vào khoảng 1,2%/năm. Như vậy, triển vọng thị trường ngành mía đường sẽ tăng trong những năm tiếp theo.

Bên cạnh đó, giá đường có xu hướng duy trì ở mức cao trong những năm tiếp theo. Hầu hết các nhà máy đường đều không hoạt động hết công suất do phải phụ thuộc vào tình hình sản xuất mía nguyên liệu mà diện tích mía có xu hướng giảm do không đạt hiệu quả kinh tế cao và không ổn định cho nông dân.

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích năng lực sản xuất, tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa, cùng với việc nhận định thị trường ngành công nghiệp mía đường như trên, Sacombank-SBS cho rằng kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Công ty dự kiến trong giai đoạn 2010-2012 hoàn toàn có thể đạt được nếu không xảy ra những sự kiện rủi ro bất khả kháng.

Công ty Chứng khoán Sacombank-SBS lưu ý rằng những nhận xét của chúng tôi chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. Sacombank-SBS khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý Sacombank-SBS bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có

16. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu

Không có



V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

8.100.000 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng của Cổ đông đặc biệt theo Nghị định 14/2007/NĐ-CT là: 167.244 cổ phần (*), chiếm 2,06% tổng số cổ phiếu niêm yết. Cổ đông đặc biệt (bao gồm Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng) bị hạn chế chuyển nhượng 100% cổ phiếu nắm giữ trong 06 (sáu) tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong 06 (sáu) tháng tiếp theo.

(*) Công ty TNHH SX-TM Thành Thành Công sở hữu 54.167 cổ phần chiếm 0,67% tổng số cổ phần niêm yết, có đại diện vốn tại Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa là ông Phạm Đình Mạnh Thu (Chủ tịch HĐQT) nên cũng bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định trên.

Số lượng cổ phần đã phát hành cho cán bộ chủ chốt là 61.137 cổ phần (chiếm 0,75% tổng số cổ phần) và phát hành cho cán bộ công nhân viên là 87.800 cổ phần (chiếm 1,08% tổng số cổ phần) trong đợt phát hành ngày 27/04/2010 bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm kể từ ngày phát hành.

Do một phần số lượng phát hành cho cán bộ chủ chốt là 39.060 cổ phần cũng thuộc sở hữu của cổ đông đặc biệt nên tổng số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là 277.121 cổ phần, chiếm 3,42% tổng số cổ phần niêm yết.

5. Giá niêm yết:

35.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương thức tính giá:

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa là sản xuất chế biến đường. Mảng hoạt động này đóng góp 85% doanh thu và khoảng 98% lợi nhuận gộp hàng năm của Công ty. Giá thị trường của đường thành phẩm trong nước cũng như trên thế giới diễn biến khá phức tạp, bên cạnh đó ngành sản xuất đường cũng phụ thuộc nhiều vào giá cả và sự biến động của nguồn nguyên vật liệu. Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa có quy mô nhỏ (vốn điều lệ 81 tỷ đồng) so với các công ty cùng ngành đã niêm yết trên sàn HOSE như SBT (1.419 tỷ đồng), LSS (300 tỷ đồng), BHS (185,3 tỷ đồng), SEC (126 tỷ đồng). Vì vậy sự biến động trong dự phóng dòng tiền là khá lớn nên việc áp dụng phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền sẽ mang lại sai số lớn trong trường hợp định giá cổ phiếu của Công ty.



Dựa vào kết quả báo cáo tài chính của Công ty năm 2009, Quý 1/2010 đồng thời khả năng đạt kế hoạch cao, Công ty đề xuất 2 phương pháp tính giá dựa vào chỉ số so sánh P/E và P/BV để tính giá tham chiếu cho cổ phiếu Công ty.

Đối tượng so sánh là các công ty đại diện cho ngành đã được niêm yết trên sàn HOSE là CTCP Mía Đường Lam Sơn (LSS), CTCP Đường Biên Hòa (BHS) và CTCP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai (SEC). Số liệu được tính đến ngày 27/05/2010 từ nguồn là Bản tin Thị trường Chứng khoán số 96 (ra ngày 28/05/2010) của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) và theo tính toán của Sacombank-SBS:

	LSS	BHS	SEC	Trung bình
EPS (4 quý gần nhất)	6.290	7.780	3.140	
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	300	185,3	126	
Giá trị sổ sách (BV)	23.730	23.120	12.850	
Thị giá (27/05/2010)	34.700	31.000	34.300	
P/E	5,52	3,98	10,92	6,80
P/BV	1,46	1,34	2,67	1,82

Phương pháp P/E

Thu nhập mỗi cổ phần (EPS) được lấy dựa trên EPS điều chỉnh của 4 quý gần nhất (tính đến Quý 1/2010) được công bố trên Bản tin Thị trường Chứng khoán số 96 của HOSE. Như vậy, tính đến ngày 27/05/2010, chỉ số P/E trung bình của các công ty ngành đường trên là 6,80. Ta có thể dùng mức P/E này để làm P/E kỳ vọng cho cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa lúc niêm yết lên sàn HOSE.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa có vốn điều lệ 81 tỷ đồng và số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân là 7.439.200 cổ phiếu. Theo báo cáo tài chính quyết toán Quý 1/2010, Lợi nhuận sau thuế của Công ty là 22,2 tỷ đồng nên EPS của 4 quý gần nhất là 10.060 đồng/cổ phiếu. Với P/E là 6,80 thì giá trị tương ứng mỗi cổ phiếu là 68.408 đồng/cổ phiếu.

Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thị trường, Công ty đặt ra kế hoạch lợi nhuận năm 2010 khá thận trọng là 34 tỷ đồng sau thuế tương ứng với EPS tương lai (dự kiến cho năm 2010 với số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân là 7,44 triệu cổ phiếu) là 4.570 đồng/cổ phiếu. Công ty niêm yết cổ phiếu trong quý 2/2010 nên giá kỳ vọng cho năm 2010 với mức P/E = 6,80 là 31.076 đồng/cổ phiếu.

Phương pháp P/BV

Dựa trên giá trị sổ sách (Book value – BV) được tính tại thời điểm 31/03/2010 của các công ty cùng ngành nêu trên (theo báo cáo tài chính Quý 1/2010 công bố trên HOSE), chỉ số P/BV bình quân ngành sản xuất đường là 1,82.

Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/03/2010 là 166,745 tỷ đồng, giá trị sổ sách tương ứng là 24.600 đồng/cổ phiếu (tính trên 6.778.400 cổ phiếu).

Tham chiếu với chỉ số P/BV bình quân là 1,82 thì giá trị tương ứng mỗi cổ phiếu là 44.772 đồng/cổ phiếu.

Trên cơ sở tham chiếu với 3 mức giá được tính theo phương pháp chỉ số P/E và chỉ số P/BV, giá trung bình là 48.085 đồng/cổ phiếu. Để tạo tính hấp dẫn trên thị trường đồng thời tạo đà tăng

của cổ phiếu, Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa đề xuất mức giá chào sàn là **35.000 đồng/cổ phiếu**.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, khi Công ty được niêm yết, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

Hiện nay, tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài là 0%

8. Các loại thuế có liên quan

- **Thuế Thu nhập doanh nghiệp:** Từ 01/01/2009 Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư 130/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26/12/2008 với thuế suất là 25%, hiện được giãn thời hạn nộp thuế của số thuế thu nhập doanh nghiệp hàng quý là 9 tháng kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 13/01/2009.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty có lãi, theo đó Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm (2006-2007) và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo (2008-2010). Những quy định về ưu đãi Thuế thu nhập doanh nghiệp được quy định tại điểm 1.2, Khoản 1, Mục II, Phần E Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003.

Ngoài ra, Công ty được giảm 30% số Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2009 theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính.

- **Thuế Thu nhập cá nhân:** Công ty thực hiện khấu trừ và nộp theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/09/2008 và Thông tư số 62/2009/TT-BTC ngày 27/03/2009 của Bộ Tài chính, hiện được miễn thuế thu nhập cá nhân theo Thông tư số 160/2009/TT-BTC ngày 12/08/2009 của Bộ Tài chính:

- + Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công: Thời gian được miễn từ 01/01/2009 đến hết ngày 30/06/2009. Từ ngày 01/07/2009 phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định.

- + Đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng vốn (bao gồm cả chuyển nhượng chứng khoán): Thời gian được miễn thuế từ 01/01/2009 đến hết ngày 31/12/2009. Từ 01/01/2010 phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định.

- **Thuế Giá trị gia tăng:** Công ty thực hiện tự kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ và áp dụng theo Thông tư 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính. Công ty đang chịu các mức thuế GTGT áp dụng theo từng sản phẩm, dịch vụ như sau:

- Bán mía giống không chịu thuế GTGT;
- Áp dụng mức thuế suất 5% đối với sản phẩm đường, phân bón;

- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động gia công cơ khí;
 - Các sản phẩm, dịch vụ khác áp dụng theo quy định hiện hành.
- **Các loại thuế khác** (thuế Môn bài, thuế Tài nguyên...) : Công ty tự kê khai và nộp theo quy định hiện hành khi có phát sinh.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Đại diện theo pháp luật : Ông **Phạm Đình Mạnh thu**

Chức vụ : Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ trụ sở : Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : (058) 3620 040 Fax : (058) 3620 143

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Đại diện pháp luật : Ông **Phan Xuân Vạn**

Chức vụ : Tổng giám đốc

Địa chỉ : 217 Nguyễn Văn Linh, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại : (0511) 3655 886 Fax : (0511) 3655 887

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Đại diện pháp luật : Ông **Nguyễn Thanh Hùng**

Chức vụ : Tổng giám đốc

Địa chỉ : 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP. HCM

Điện thoại : (84-8) 6268 6868 Fax : (84-8) 6255 5957

VII. PHỤ LỤC

- Giấy CNĐKKD qua các lần thay đổi;
- Điều lệ Công ty;
- Báo cáo tài chính có kiểm toán năm 2008, 2009;
- Báo cáo tài chính Quyết toán Quý 1/2010.
- Quy chế quản trị



Ninh Hòa, ngày tháng 05 năm 2010

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

CHỦ TỊCH HĐQT

GIÁM ĐỐC

PHẠM ĐÌNH MẠNH THU

NGUYỄN THỊ HOA

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ VĂN HÒA

PHẠM CAO SƠN

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN THANH HÙNG